



Vững mạnh và lan tỏa

MWVG

 **thegioididong**
.com

 **Điện máy XANH**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

Nội dung

7 TỔNG QUAN

- 8 Thông tin chung
- 9 Quá trình hình thành và phát triển
- 10 Cơ cấu Công ty
- 11 Tổng quan thị trường
- 12 Định hướng phát triển
- 14 Kế hoạch kinh doanh 2016
- 15 Hội đồng Quản trị
- 17 Ban Tổng Giám đốc
- 18 Ban Kiểm soát
- 19 Các rủi ro

- 3 Những con số tiêu biểu
- 4 Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi
- 5 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 6 Tóm tắt kết quả 5 năm hoạt động

20 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- 21 Chính sách với người lao động
- 23 Cơ cấu cổ đông



25 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 26 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 30 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 34 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

40 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 41 Thông tin chung
- 42 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 43 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 44 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 46 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 48 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 50 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
- 72 Mạng lưới hoạt động

Những con số tiêu biểu



11 NĂM HOẠT ĐỘNG

HƠN **15.000** NHÂN VIÊN

HƠN **564** SIÊU THỊ THEGIOIDIDONG.COM TẠI 63 TỈNH/THÀNH.

69 SIÊU THỊ ĐIỆN MÁY XANH.



LỢI NHUẬN
SAU THUẾ

1076
tỷ đồng

THEGIOIDIDONG
NHÀ BÁN LẺ XUẤT SẮC

SỐ 2 VN

Top 50
công ty kinh doanh
hiệu quả
nhất Việt Nam

DOANH THU
25.253
tỷ đồng

Tầm nhìn

MWG 2020 là tập đoàn bán lẻ đa ngành hàng hùng mạnh nhất, có vị thế số 1 trong lĩnh vực thương mại điện tử, mở rộng kinh doanh thành công ở Lào, Campuchia và Myanmar.

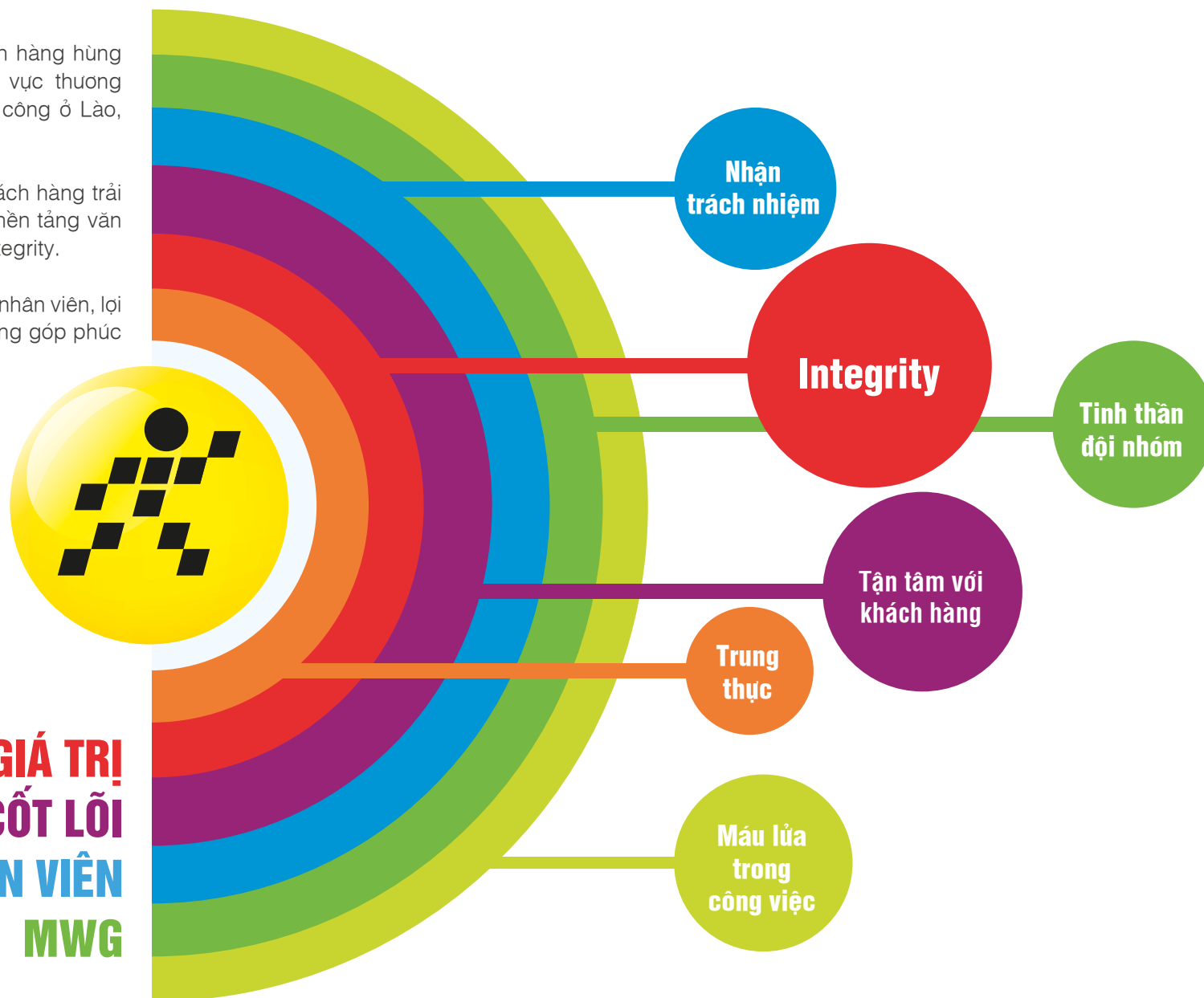
MWG liên tục cải tiến mang đến cho Khách hàng trải nghiệm thú vị và hài lòng nhất dựa trên nền tảng văn hóa đặt Khách Hàng làm trọng tâm và Integrity.

MWG mang đến cuộc sống sung túc cho nhân viên, lợi nhuận cao cho nhà đầu tư dài hạn và đóng góp phúc lợi cho cộng đồng

Đây là chúng tôi. Đây là điều mà bạn có thể trông cậy vào được

6 giá trị cốt lõi, vận hành xuyên suốt Công ty, từ chủ tịch đến mỗi nhân viên

**6 GIÁ TRỊ
CỐT LÕI
CỦA NHÂN VIÊN
MWG**



Thông điệp của chủ tịch

2015 tiếp nối một năm thành công nữa của hệ thống Thế Giới Di Động (MWG) với doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng cao trên 60% so với 2014. Năm 2015 cũng là một năm ghi nhận một kỷ lục mới về tốc độ mở rộng cửa hàng của TGDD với tổng số 269 cửa hàng mới được mở, đạt kỷ lục trung bình 5 cửa hàng mới được mở trong 1 tuần.

Song song với việc mở mới cửa hàng, MWG cũng tăng chất của các cửa hàng cũ thông qua việc nâng cấp cơ sở vật chất, thay đổi cách bố trí cửa hàng, thay đổi quầy tủ kệ và trên hết là kiểm soát và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Kết quả thấy được là số lượng khách hàng đến các cửa hàng cũ tăng lên giúp doanh thu các cửa hàng cũ tiếp tục tăng trưởng.

Chuỗi Điện máy XANH có sự phát triển ngoạn mục, cả về số lượng cửa hàng và chất lượng của cửa hàng. Nếu như đầu năm 2015 Điện máy XANH chỉ có 20 cửa hàng thì đến cuối năm 2015 Điện máy XANH có gần 70 cửa hàng, phủ sóng gần 40 tỉnh thành của Việt Nam. Chủng loại hàng hoá, bố trí trưng bày hàng hoá, giao hàng lắp đặt và chất lượng phục vụ khách hàng của các cửa hàng Điện máy XANH đã được nâng cấp vượt bậc trong 2015. Điện máy XANH tự tin tuyên bố là chuỗi cửa hàng điện máy có chất lượng phục vụ khách hàng số 1 Việt Nam.

Các hành động lớn của MWG trong năm 2016:

- Tăng cường chất lượng phục vụ khách hàng với những chính sách mới, thái độ phục vụ xuất phát từ trái tim, đặt nhu cầu, lợi ích và cảm nhận của khách hàng lên trên doanh thu và lợi nhuận. Nâng chất lượng phục vụ và sự hài lòng của khách hàng lên một chuẩn mới.

- Cộng tác với các nhà sản xuất, các nhà mạng, các đối tác trả góp để có các sản phẩm độc quyền và các chương trình khuyến mãi độc quyền hấp dẫn cho khách hàng.

- Hoàn tất phủ sóng Điện máy XANH ở 63/63 tỉnh thành của Việt Nam trước quý 3/2016.

- Hoàn tất thử nghiệm chuỗi siêu thị mini bán hàng tiêu dùng Bách Hóa Xanh.

- Thực hiện các chuẩn bị cần thiết để mở các cửa hàng đầu tiên ở nước ngoài trong 2017.

Các mục tiêu lớn của MWG trong năm 2016:

- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận tối thiểu 30%

- Nâng dần thị phần điện thoại di động của MWG để thị phần của tháng 12/2016 đạt 40%



- Nâng dần thị phần của chuỗi Điện máy XANH để thị phần tháng 12/2016 của chuỗi Điện máy XANH là lớn nhất Việt Nam

Năm 2016 là một năm bận rộn và rất thú vị với MWG. Đây là năm MWG đưa hai chuỗi Thegioididong.com và Điện máy XANH lên vị trí vững chắc và đặt nền móng cho những hướng đi mới và những bước phát triển mới mạnh mẽ trong tương lai.

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Nguyễn Đức Tài

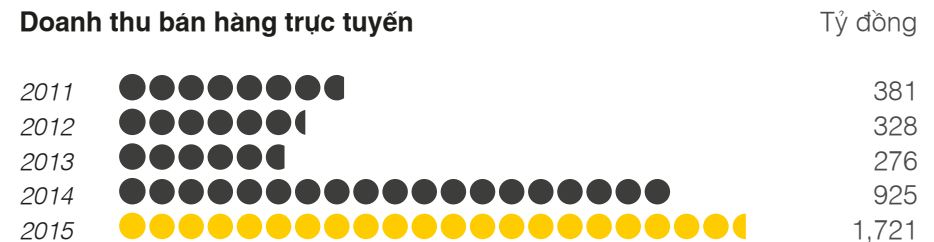
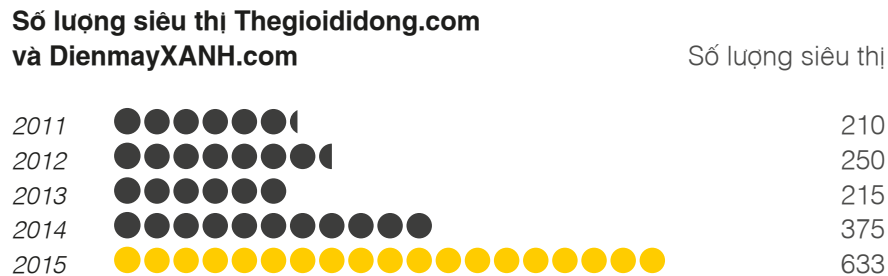
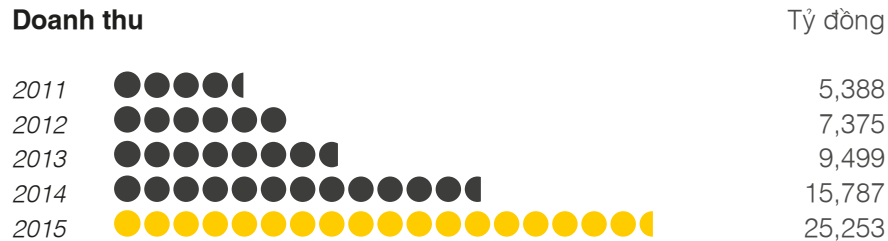
Tóm tắt kết quả 5 Năm hoạt động

LỢI NHUẬN
SAU THUẾ
1076 tỷ đồng

DOANH THU

25.253 tỷ đồng

DOANH THU
BÁN HÀNG
TRỰC TUYẾN
1721 tỷ đồng





Thông tin chung

8

Quá trình hình thành và phát triển

9

Cơ cấu công ty

10

Tổng quan thị trường

11

Định hướng phát triển

12

Kế hoạch kinh doanh 2016

14

Hội đồng Quản trị

15

Ban Tổng Giám đốc

17

Ban Kiểm soát

18

Các rủi ro

19

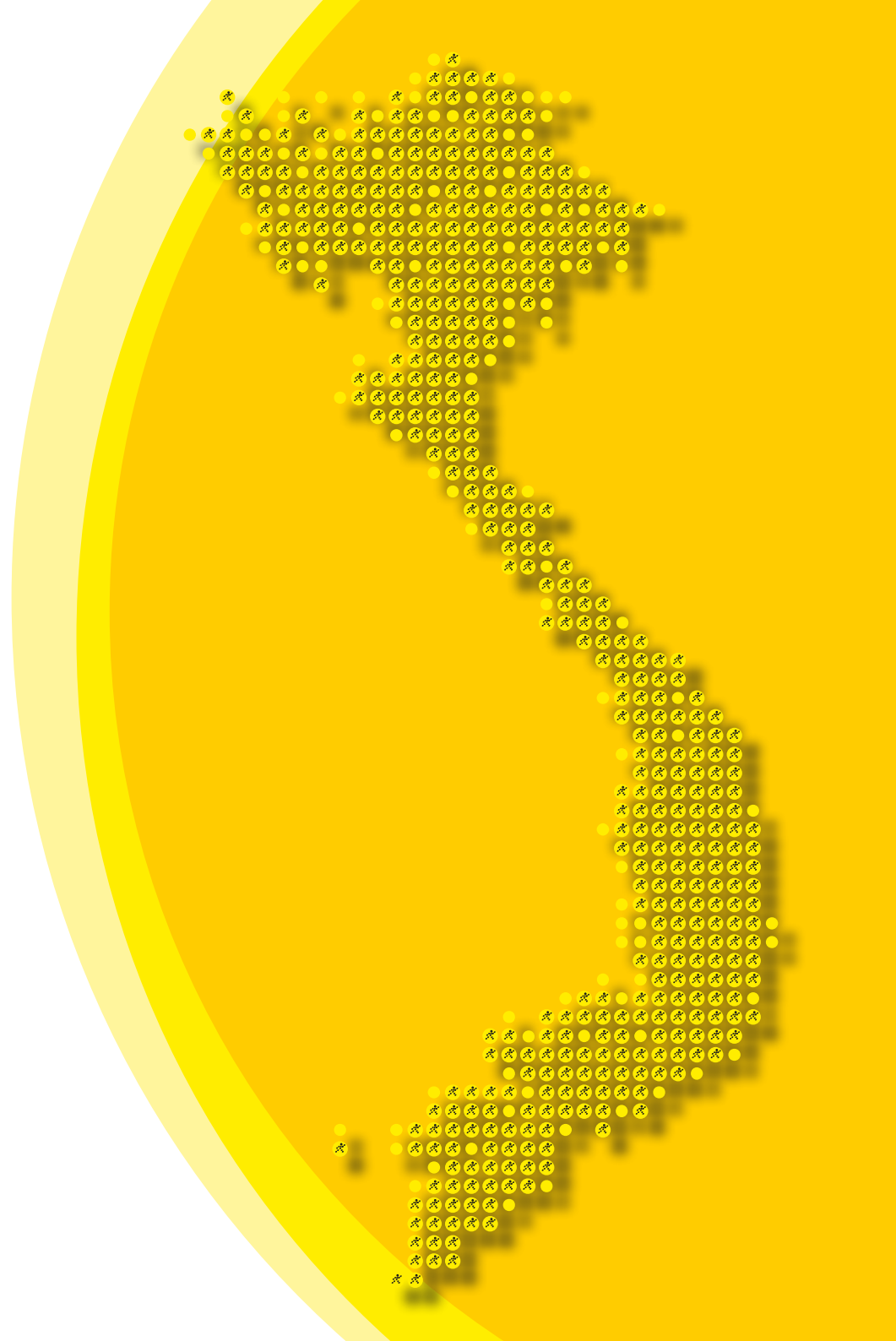
Thông tin chung

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG
Tên giao dịch đối ngoại: MOBILE WORLD INVESTMENT CORPORATION
Mã cổ phiếu: MWG
Giấy CNKD số: 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương cấp
Vốn điều lệ: 1.468.889.740.000 VNĐ
Vốn đầu tư chủ sở hữu: 1.468.889.740.000 VNĐ
Địa chỉ: số 222 Yersin, Phường Phú Cường,
Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Điện thoại: (+84 8) 8125960 - Fax: (+84 8) 8125962
Website: www.mwg.vn

Lĩnh vực hoạt động

Mua bán điện thoại di động, máy tính bảng, laptop, phụ kiện, sim số, dịch vụ mạng, tivi, tủ lạnh, máy giặt, máy lạnh, lò vi sóng ...

Đến hết 2015, MWG sở hữu 2 chuỗi bán lẻ với 633 siêu thị đang phục vụ khách hàng, trong đó, chuỗi tgdd.com có 564 siêu thị và 69 siêu thị ĐMX



Quá trình hình thành và phát triển

2004 CÔNG TY TNHH THẾ GIỚI DI ĐỘNG THÀNH LẬP THÁNG 3/2004, THÁNG 10/2004, KHAI TRƯƠNG SIÊU THỊ ĐẦU TIÊN TẠI 89A, NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, TP. HCM. DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG VÀ WEBSITE ĐÃ ĐƯỢC QUAN TÂM VÀ CHĂM CHÚT NGAY TỪ NHỮNG NGÀY ĐẦU TIÊN.

www.thegioididong.com

2007 TIẾP NHẬN VỐN ĐẦU TƯ CỦA QUỸ MEKONG CAPITAL, CHUYỂN ĐỔI SANG HÌNH THỨC CÔNG TY CỔ PHẦN, MỞ RỘNG CƠ HỘI PHÁT TRIỂN.



2010 - 2011 PHÁT TRIỂN VƯỢT BẬC VỚI SỰ RA ĐỜI LIÊN TIẾP CỦA CÁC SIÊU THỊ THEGIODIDONG.COM TRÊN KHẮP MỌI MIỀN CỦA ĐẤT NƯỚC.



CUỐI NĂM 2011, ĐẠT SỐ LƯỢNG 200 SIÊU THỊ, TĂNG 5 LẦN SO VỚI NĂM 2009.

CUỐI NĂM 2010, HỆ THỐNG CHUYÊN BÁN LẺ CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN MÁY, ĐIỆN GIA DỤNG **ĐIỆN MÁY XANH** RA ĐỜI.

2012 THÁNG 3/2012, KHAI TRƯƠNG SIÊU THỊ TẠI BẮC GIANG, THEGIODIDONG.COM TRỞ THÀNH HỆ THỐNG BÁN LẺ THIẾT BỊ DI ĐỘNG ĐẦU TIÊN VÀ DUY NHẤT HIỆN NAY CÓ MẶT TẠI TẤT CẢ 63 TỈNH THÀNH TRÊN CẢ NƯỚC.



ĐIỆN MÁY XANH CÓ MẶT TẠI 9 TỈNH THÀNH VỚI SỐ LƯỢNG 12 SIÊU THỊ.

2014 NGÀY 14/7/2014, NIÊM YẾT THÀNH CÔNG 62.723.171 CỔ PHIẾU, MÃ MWG LÀ MỘT TRONG NHỮNG CỔ PHIẾU CÓ SỨC HẤP DẪN NHẤT SÀN HOSE.

DOANH THU TĂNG

65%



TĂNG TRƯỞNG NGOẠI MỤC CỦA THẾ GIỚI DI ĐỘNG VỚI SỐ LƯỢNG SIÊU THỊ TĂNG 60%, LỢI NHUẬN SAU THUẾ TĂNG 160% SO VỚI NĂM 2013.

2015 MỞ MỎI THÊM 49 SIÊU THỊ, ĐUA ĐIỆN MÁY XANH TRỞ THÀNH CHUỖI BÁN LẺ ĐIỆN MÁY CÓ SỐ LƯỢNG SIÊU THỊ NHIỀU NHẤT VIỆT NAM, PHỦ SÓNG 43/63 TỈNH THÀNH.



LNST TĂNG
60%



KẾT QUẢ KINH DOANH ẤN TƯỢNG KHI LNST 2015 TĂNG TRƯỞNG 60% SO VỚI 2014

Cơ cấu công ty

- DT cửa hàng: 100-200 m²
- Số lượng cửa hàng: 564
- Phủ sóng: 63/63 tỉnh
- Sản phẩm kinh doanh:
- > ĐTDD, Máy tính bảng, Laptop, Phụ kiện, SIM số, dịch vụ mạng



Chuỗi Thegioididong.com thành lập từ năm 2004, chuyên bán lẻ các sản phẩm kỹ thuật số bao gồm điện thoại di động, máy tính bảng, laptop và phụ kiện.

Tính đến cuối năm 2015, Công ty có 564 siêu thị tại 63 tỉnh thành trên toàn quốc

CTCP Đầu Tư Thế Giới Di Động (MWG)



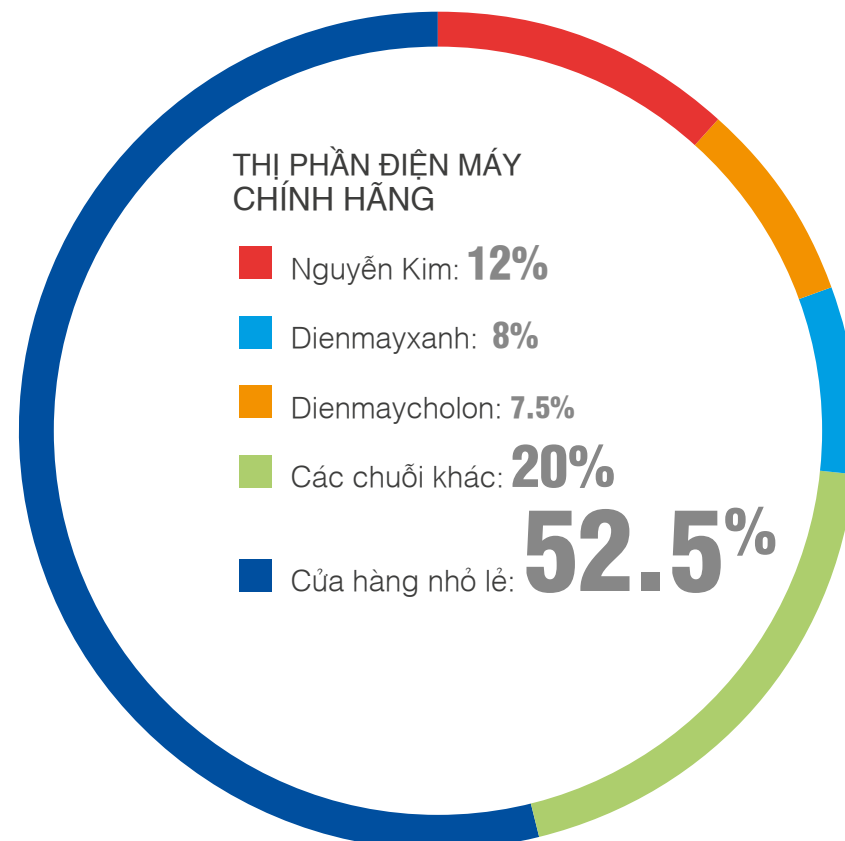
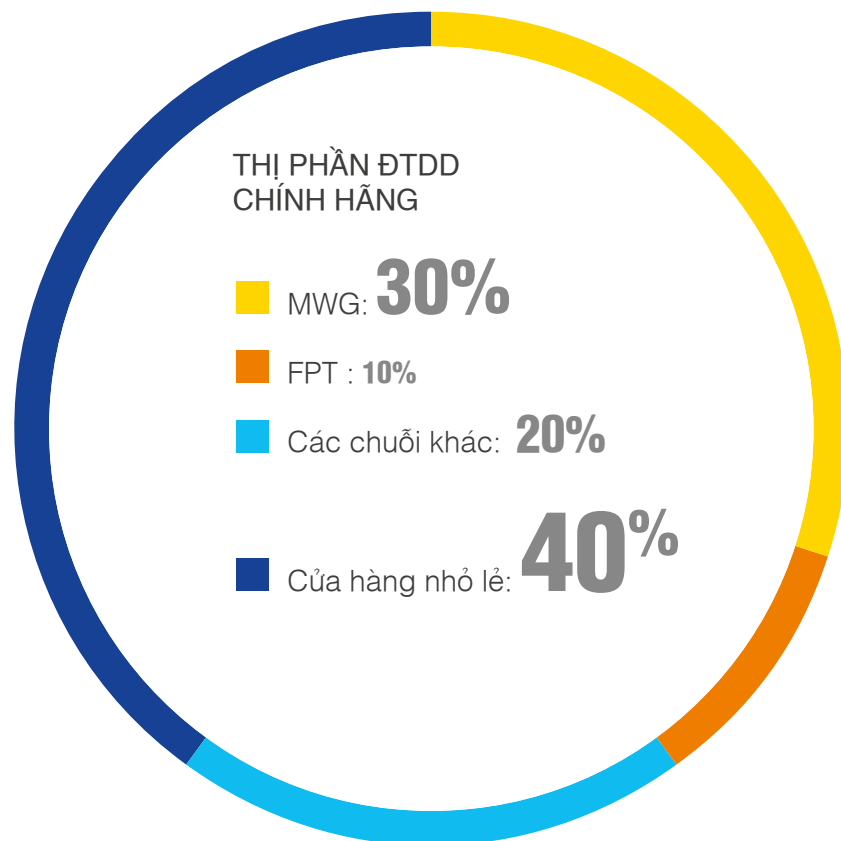
Công ty Cổ
phần Đầu tư Thế
Giới Di Động vận hành 2
chuỗi bán lẻ là thegioididong.
com và ĐIỆN MÁY XANH
(dienmayxanh.com)

- DT cửa hàng: 800-1200 m²
- SL cửa hàng: 69
- Phủ sóng: 43/63 tỉnh thành
- Sản phẩm kinh doanh:
- > Tivi, tủ lạnh, máy giặt, máy lạnh, lò vi sóng, gia dụng
- > ĐTDD, Máy tính bảng, Laptop, Phụ kiện, SIM số, dịch vụ mạng



Chuỗi Điện máy XANH - tiền thân là hệ thống dienmay.com - được ra đời từ cuối 2010 với diện tích cửa hàng từ 800 - 1.000 m², chuyên bán lẻ các sản phẩm điện tử tiêu dùng như: tivi, dàn karaoke, tủ lạnh, máy giặt, nồi cơm điện, sinh tố, bàn ủi, bếp điện từ, lò vi sóng, máy hút bụi... và các sản phẩm viễn thông như điện thoại di động, máy tính bảng, laptop và phụ kiện với gần 70 siêu thị hiện diện tại hơn 40 tỉnh thành.

Tổng quan thị trường



* Các chuỗi khác bao gồm các chuỗi nhỏ ở từng tỉnh và nhóm các siêu thị điện máy.

Tiềm năng tăng trưởng

Chúng tôi nhận thấy có quá nhiều cơ hội tăng trưởng trong tương lai

90 mn 

Dân số đông và tích cực chi tiêu



Khách hàng đang chuyển từ điện thoại phổ thông sang điện thoại thông minh



Thị phần đang được phục vụ bởi các cửa hàng nhỏ lẻ; cơ hội mở thêm cửa hàng



Công nghệ không ngừng thay đổi, tạo nhu cầu tiêu dùng mới

Tăng cường hiệu quả kinh doanh nhờ **QUY MÔ LỚN** (“economies of scale”)



Thị trường điện máy còn phân mảnh, cơ hội cho một số ít công ty **thống lĩnh** thị trường.



Cơ hội tăng trưởng lớn Online mô hình đa kênh (Omni channel) dành cho nhà bán lẻ có chuỗi offline rộng

Tiềm năng để phát triển các chuỗi bán lẻ hiện đại cho các ngành hàng khác.

Định hướng phát triển

CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG

- Với 90 triệu người, Việt Nam là đất nước có dân số đông và tích cực chi tiêu. Tính từ 2013 – 2014, số lượng người sử dụng smartphone trong độ tuổi từ 16 đến 24 tuổi đã tăng 31%; trong độ tuổi từ 25 đến 34 tăng 13%.
- Năm 2014, nhờ việc mở rộng nhanh chóng hệ thống Thegioididong.com, thị phần điện thoại của MWG cũng mạnh mẽ tăng trưởng từ 20% lên đến 25%. Trên đà tăng trưởng này, MWG tiếp tục duy trì vị trí thống lĩnh thị trường điện thoại và nói rộng khoảng cách so với những chuỗi bán lẻ khác. Cơ hội mở rộng thị phần vẫn còn với 50% còn đang nằm trong tay các cửa hàng nhỏ lẻ.
- Hiện nay, mức độ thâm nhập của các mặt hàng điện máy vẫn chưa cao tại khu vực nông thôn. Trong khi đó, đây là khu vực chiếm đến 70% số dân của thị trường nội địa. Đây được xem là thị trường nhiều tiềm năng mà MWG sẽ khai thác mạnh mẽ trong năm 2015.
- 2014 doanh thu chủ yếu đến từ chuỗi Thegioididong.com nhờ vào việc mở rộng nhanh chóng và tăng trưởng thị phần mạnh mẽ.
- 2015: doanh thu của MWG sẽ đến từ 3 nguồn kết hợp: chuỗi Thegioididong.com, kênh Online và chuỗi điện máy Xanh bắt đầu mở rộng. MWG hướng đến mục tiêu doanh thu 1 tỉ USD cho riêng năm 2015.
- Online sẽ trở thành một mũi nhọn của MWG. Nhờ nền tảng công nghệ vững chắc, website được đầu tư bài bản, MWG hướng đến mô hình đa kênh dành cho nhà bán lẻ có chuỗi offline rộng. 2016 và đầu năm 2017 sẽ làm năm Online tiếp tục tăng mạnh, điện máy Xanh mang về doanh thu khổng lồ từ việc tăng doanh thu siêu thị cũ và mở mới siêu thị mới.
- Sau 2017 doanh thu sẽ đến từ chuỗi bán lẻ mới.

**2017
2018** Mở chuỗi bán lẻ mới

2016
Thegioididong.com mở thêm siêu thị mới, tăng doanh thu siêu thị cũ

2015
Tăng trưởng Online

2014
DienmayXANH.com mở thêm siêu thị mới, tăng doanh thu siêu thị cũ

Kế hoạch kinh doanh 2016

ĐVT: tỷ đồng	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2015	Tăng trưởng
Doanh thu thuần hợp nhất	34.166 tỷ đồng	25.253 tỷ đồng	35%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	1.388 tỷ đồng	1.076 tỷ đồng	29%



KIỂM SOÁT CHẶT CHẼ VÀ NÂNG CAO **CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ** KHÁCH HÀNG.

NÂNG THỊ PHẦN CHUỖI BÁN LẺ ĐIỆN THOẠI THEGIOIDIDONG.COM LÊN TRÊN

35%



QUA VIỆC TĂNG TRƯỞNG DOANH THU CÁC SIÊU THỊ CŨ VÀ MỞ THÊM KHOẢNG 100 SIÊU THỊ MỚI TRONG NĂM 2016

ĐƯA “**ĐIỆN MÁY XANH**” TRỞ THÀNH CHUỖI BÁN LẺ ĐIỆN MÁY CÓ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG SỐ 1 VÀ THỊ PHẦN SỐ 1 VIỆT NAM TRƯỚC CUỐI NĂM 2016 QUA VIỆC TĂNG DOANH THU



CÁC SIÊU THỊ CŨ VÀ MỞ THÊM KHOẢNG 50 SIÊU THỊ MỚI, ĐƯA ĐIỆN MÁY XANH TRỞ THÀNH CHUỖI BÁN LẺ DUY NHẤT PHỦ SÓNG 63/63 TỈNH THÀNH.

HOÀN TẤT THỬ NGHIỆM MÔ HÌNH SIÊU THỊ BÁCH HÓA MINI “**BÁCH HÓA XANH**” TRƯỚC CUỐI NĂM 2016 ĐỂ BƯỚC VÀO GIAI ĐOẠN MỞ RỘNG TRONG NĂM 2017.

ĐẨY MẠNH BÁN HÀNG TRỰC TUYẾN (**E-COMMERCE**), ĐƯA DOANH THU ONLINE ĐẠT



TĂNG TRƯỞNG **80%** SO VỚI 2015.

TÌM KIẾM CƠ HỘI THỰC HIỆN CÁC THƯƠNG VỤ MUA BÁN - SÁT NHẬP (M&A) VỚI CÁC ĐƠN VỊ BÁN LẺ KHÁC.

Hội đồng quản trị



Ông Nguyễn Đức Tài
Đồng sáng lập viên
Chủ tịch HĐQT

- Tốt nghiệp Đại học Kinh Tế TP. HCM ngành Tài chính – kế toán
- Thạc sĩ ngành Quản Trị Kinh Doanh tại Học viện Quản Trị CFVG.
- Lần lượt nắm giữ các vị trí chủ chốt của Công ty như Tài chính kế toán, Kinh doanh tiếp thị, Cung ứng hậu cần, Mở rộng mạng lưới của hàng, Quản lý điều hành chung.



Ông Trần Kinh Doanh
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Tổng Giám Đốc

- Cử nhân Kinh Tế, Đại học Kinh Tế TP. HCM
- Từng giữ nhiều vị trí then chốt trong khối Phát triển kinh doanh từ năm 2007.
 - Đưa hệ thống thegioididong.com có mặt ở 63 tỉnh thành.
 - 2013 -Thành viên Hội Đồng Quản Trị,
 - 2014 -Tổng Giám Đốc Công ty CP Thế Giới Di Động



Ông Trần Lê Quán
Đồng sáng lập viên
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

- Kỹ sư viễn thông
- Người đặt những nền tảng đầu tiên của Công ty
- Giám Đốc của Công ty CP Thế Giới Di Động từ năm 2004 - 2007.
- Hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập - không điều hành.



Ông Điều Chính Hải Triều
Đồng sáng lập viên
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

- Cử nhân ngành Công nghệ thông tin, Đại học Khoa học Tự nhiên.
- Người đặt những nền tảng ban đầu cho hệ thống Công nghệ thông tin của Công ty.
- Hiện đang giữ chức vụ Giám Đốc CNTT của Công ty

Hội đồng quản trị (tiếp theo)



Ông **Chris Freund**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

- Quốc tịch Mỹ
- Tổng Giám Đốc quỹ đầu tư Mekong Capital.
- Gắn bó với Thế Giới Di Động từ những ngày đầu.
- Tháng 1/2013 - Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Đầu Tư Thế Giới Di Động.



Ông **Thomas Lanyi**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

- Quốc tịch Áo
- Giám Đốc CDH Investment Advisory Pte Ltd.
- Thành viên Hội Đồng Quản Trị với tư cách đại diện ủy quyền của CDH Electric Bee Ltd.,



Ông **Robert Willett**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập

- Quốc tịch Anh,
- Cựu Giám đốc điều hành BestBuy International.
- Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Cố vấn cao cấp của Công ty từ tháng 4/2013.



Ông **Đặng Minh Lược**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

- Tốt nghiệp ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành QT nhân sự.
- Giám Đốc Nhân Sự Công ty CP Thế Giới Di Động từ năm 2007,
- Thành viên Hội Đồng Quản Trị từ tháng 5/2014.
- Hiện nay: Giám Đốc Nhân Sự của Công ty TGDĐ

Ban Tổng Giám Đốc



Ông **Trần Kinh Doanh**
Tổng Giám Đốc



Ông **Đặng Minh Lược**
Thành viên Hội Đồng Quản Trị



Ông **ĐỖ TUẤN ANH**
GD Cung ứng Hậu cần



Bà **LÊ THẢO TRANG**
GD Marketing



Ông **ĐIỀU CHÍNH HẢI TRIỀU**
GD Khởi CNTT



Ông **VŨ DẪN G LINH**
GD Tài chính



Bà **HOÀNG KHÁNH CHI**
GD Chăm sóc Khách hàng

Ban kiểm soát



Ông **Trần Huy Thanh Tùng**
Trưởng BKS

- Từng giữ chức vụ Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính của Công ty từ năm 2007 đến năm 2013.
- Trưởng Ban kiểm soát của Công ty vào cuối năm 2013



Ông **Hoàng Xuân Thắng**
Thành viên

- Tốt nghiệp ngành Kế toán kiểm toán trường Đại học Kinh tế TP. HCM,
- Từng làm việc tại Phòng kiểm soát nội bộ của Công ty và Phòng Cung ứng hậu cần từ năm 2008.
- Năm 2013 ông được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.



Bà **Nguyễn Khánh Vân**
Thành viên

- Đại diện quỹ đầu tư MEFII,
- Thành viên Ban Kiểm Soát của Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động

CÁC RỦI RO

Với tính chất hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bán lẻ điện thoại di động và điện máy, MWG có các rủi ro chính sau:

Rủi ro giảm giá hàng tồn kho

Khi một model mới được tung ra thị trường thì giá bán của model cũ sẽ bị nhà sản xuất giảm xuống. Nếu doanh nghiệp không kiểm soát tốt hàng tồn kho thì sẽ không được nhà sản xuất bảo vệ giá cho hàng tồn kho quá hạn của model cũ này. MWG đã xây dựng hệ thống ERP ưu việt để theo dõi đường đi của từng chiếc điện thoại riêng biệt theo IMEI (nhập xuất đích danh) để bảo đảm kiểm soát FIFO chặt chẽ và toàn bộ hàng tồn kho được nhà sản xuất bảo vệ giá.

Rủi ro mất mát hàng hóa tại siêu thị

Với hệ thống kiểm soát FIFO chặt chẽ sẽ cảnh báo ngay tức thì bất kỳ điện thoại nào nhập vào siêu thị trước nhưng không được bán ra trước. Và cũng với hệ thống kiểm soát hiện đại này, mọi quy trình kiểm kê định kỳ hay đột xuất đều phát hiện sớm nhất những mất mát tại siêu thị. Khi có mất mát (dù tỷ lệ rất thấp) thì luôn có ai đó phải chịu trách nhiệm bồi thường (cá nhân hoặc tập thể siêu thị). Không có khái niệm "tỷ lệ mất mát cho phép" trong từ điển của MWG.

Rủi ro nhà mạng trợ giá điện thoại

Với chi phí sử dụng điện thoại trả cho nhà mạng trung bình khoảng 80.000 - 100.000 đ/tháng thì việc trợ giá

của nhà mạng là rất khó thực hiện vì phải mất 100 tháng nhà mạng mới thu được 10 triệu từ 1 thuê bao để có thể trợ giá cho thuê bao vài triệu khi muốn bán giảm giá 1 sản phẩm điện thoại nào đó.

Cạnh tranh với các nhà bán lẻ khác

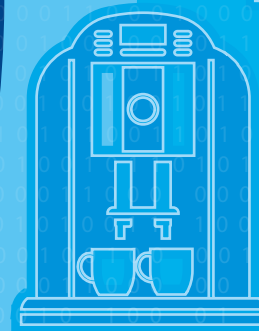
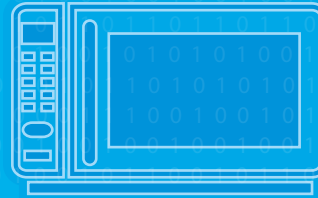
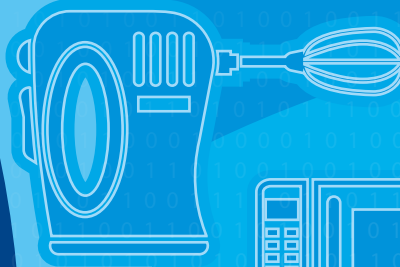
Mọi nhà bán lẻ điện thoại khác đều đang ở trạng thái lỗ hoặc lời không đáng kể "gọi là cho có" thì không có ai có đủ tiềm lực để làm khó được MWG. Xét về năng suất và tính hiệu quả trong vận hành thì MWG đang lấn lướt và vượt trội hoàn toàn so với mọi nhà bán lẻ khác. Chuỗi bán lẻ điện máy - DienmayXANH.com đang vươn lên mạnh mẽ cả 2 mặt: tăng doanh thu từng siêu thị và mở mới nhiều siêu thị sẽ nhanh chóng ở vị trí dẫn đầu trước cuối năm 2017.

Rủi ro vĩ mô

Tỷ giá không ổn định, thất nghiệp cao, lạm phát cao, sụt giảm niềm tin của người tiêu dùng vào tương lai. Đây là rủi ro khó kiểm soát nhất đối với MWG. Trong các rủi ro này, MWG sẽ nỗ lực giảm thiểu ảnh hưởng của biến động tỷ giá lên kết quả kinh doanh bằng các biện pháp tài chính và dự phòng rủi ro.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

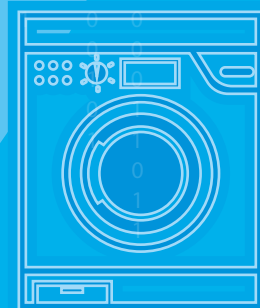


Chính sách với người lao động

Cơ cấu cổ đông

21

23



Chính sách với người lao động

Số lượng nhân viên

Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến cuối năm 2015 là 15.183 nhân viên, trong đó số lượng cụ thể từng khối như sau:

STT	Phòng ban	Số lượng/ người
1	Khối Siêu thị	13.411
2	Khối Công nghệ thông tin	198
3	Khối Tài chính kế toán	193
4	Khối Phát triển doanh nghiệp	336
5	Khối Cung ứng hậu cần	597
6	Khối Hành chính - nhân sự	113
7	Khối Bán hàng Online	335
TỔNG CỘNG		15.183

Lương thưởng và phụ cấp năm 2015

Thực hiện Quy chế và Nghị quyết của HĐQT, Công ty đã ban hành quy định lương, thưởng đối với người lao động. Không những thế, ngoài lương theo hợp đồng, năm 2015, MWG thực hiện chính sách lương, thưởng đa dạng để ghi nhận, đồng thời tạo động lực thúc đẩy nhân viên gắn bó lâu dài; làm việc hăng say hơn, hiệu quả hơn.

Mức lương trung bình tại MWG trong năm qua đã tăng 10% so với năm trước đó.



Phúc lợi - đãi ngộ

Nhằm giúp nhân viên tái tạo năng lượng sau những ngày làm việc căng như nhận được sự quan tâm, giúp đỡ kịp thời, MWG triển khai nhiều chính sách đãi ngộ đặc biệt, nhất là trong năm 2015, khi Công ty bước qua những cột mốc quan trọng trong quá trình phát triển cũng như khi thành quả kinh doanh cuối 2015 vượt ngoài mong đợi.

- Du lịch thường niên: Công ty tài trợ 100% chi phí + thưởng 2 triệu/ mỗi nhân viên
- Quà Công đoàn: Tết, Trung thu, Sinh nhật...
- Bán hàng ưu đãi cho nhân viên (giảm 5%-30%)
- Mua trả góp lãi suất 1% dành cho nhân viên
- Hôn hỷ/tang chế : 500.000/ trường hợp
- Các khóa đào tạo miễn phí kiến thức và kỹ năng mềm.
- Các chế độ bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN)
- Chế độ thai sản, ốm đau, tai nạn.
- Bảo hiểm sức khỏe, tai nạn.
- Quý quan tâm và giúp đỡ đồng nghiệp

Thu hút và thúc đẩy nhân tài

Tuyển dụng

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo kế hoạch hàng năm và chiến lược phát triển của Công ty. Các chỉ tiêu, tiêu chuẩn tuyển dụng được thông báo rộng rãi trên các phương tiện truyền thông đại chúng theo từng đợt, từng vị trí cụ thể và thực hiện theo quy định tuyển dụng của MWG. Năm 2015, MWG giải quyết việc làm cho hơn 15.000 lao động trên 63 tỉnh thành của đất nước Việt Nam. MWG đa dạng hóa hình thức tuyển dụng thông qua những công cụ hỗ trợ tối ưu như trang nội bộ, website vieclam.thegioididong.com hoặc hệ thống 633 cửa hàng trên toàn quốc. Ngoài tổ chức tuyển dụng thông qua các kênh hiện có, MWG còn tìm kiếm nguồn nhân lực thông qua:

- Khởi nghiệp cùng Thế Giới Di Động, thu hút được hơn 1.000 sinh viên tốt nghiệp loại Khá, Giỏi đến từ các trường Đại học trong cả nước như: Ngoại thương, Kinh tế, Mở, Hoa Sen, Duy Tân...
- Phối hợp với các trường tổ chức Talkshow: “VỮNG BƯỚC VÀO ĐỜI” truyền lửa cho các bạn sinh viên tự tin tìm kiếm công việc.
- Tổ chức hoạt động phỏng vấn trực tiếp tại các trung tâm văn hóa, các trường học...

Thúc đẩy

MWG luôn dành nhiều cơ hội thăng tiến cho nhân viên. Mọi nhân viên làm việc trên 06 tháng đều có thể tự ứng cử vào vị trí nhất định hoặc chuyển sang những bộ phận khác, cũng như địa điểm (khu vực) làm việc khác tại MWG. MWG cũng tổ chức đánh giá thăng cấp Quản lý siêu thị từ 3 - 6 đợt một năm.

MWG cam kết mang đến cho nhân viên một môi trường làm việc THÂN THIỆN, VUI VẺ, CHUYẾN NGHIỆP, ỔN ĐỊNH và cơ hội CÔNG BẰNG trong thăng tiến

Đào tạo

Chương trình đào tạo nhân viên mới (khối Siêu thị) cô đọng, học đi đôi với hành giúp học viên luôn hứng thú và đạt hiệu quả cao nhất sau đào tạo. Các chương trình đào tạo được thực hiện trong năm 2015:

- Chương trình đào tạo Nhân viên mới (khối Siêu thị) cô đọng, học đi đôi với hành giúp học viên luôn hứng thú và đạt hiệu quả cao nhất sau đào tạo.
- Huấn luyện kết hợp dã ngoại - tạo một không gian học mà chơi, chơi mà học.
- Chương trình đào tạo Quản lý thiết kế thiết thực, bám sát vào tiêu chuẩn năng lực, phối hợp cùng các giai đoạn thực hành, trải nghiệm thực tế và nâng cao vốn sống bằng những trải nghiệm về xã hội.
- Các khóa học đặc biệt dành cho đội ngũ quản lý, khối văn phòng hướng đến nhận thức về bản thân, tạo động lực cho sự đột phá hướng đến các giá trị Chân - Thiện - Mỹ (landmark, khai thác khả năng tiềm ẩn).
- Các khóa đào tạo kỹ năng chuyên biệt dành cho khối callcenter, chăm sóc khách hàng, TCC.
- Kết hợp cùng các hãng Nokia, Samsung, HTC, LG, Sony, Dell, Lenovo, Asus, Sharp, Hitachi, Sanyo... trong việc đào tạo kiến thức sản phẩm mới.
- Các hội thảo để truyền tải Văn hóa doanh nghiệp - Định hướng kinh doanh.
- Chương trình CEO talk
 - * GD Nhân sự
 - * GD Bán hàng
 - * GD Ngành hàng Phụ kiện
 - * GD Kiểm soát vận hành hệ thống
- Các khóa học bên ngoài với các trường đào tạo

uy tín:

- * Tập đoàn Business Breakthrough Technology (BBT) của Singapore với Khóa học nâng cao năng lực lãnh đạo: 03 định luật tạo ra kết quả.
- * Dale Carnegie - Khóa học “Lãnh đạo tạo đột phá”.
- * Trung tâm tư vấn và đào tạo SMARTPRO - Khóa học “Quản lý dự án chuyên nghiệp”.
- Các khóa đào tạo nội bộ
- * Khóa học Tư duy tích cực
- * Khóa học Giao tiếp đồng đội
- Ứng dụng E-learning trong công tác đào tạo. Nơi nhân viên dễ dàng tự học các mảng kiến thức về sản phẩm, quy trình và nghiệp vụ. Ngoài ra, công cụ còn hỗ trợ việc test online và khảo sát online.
- Câu lạc bộ I-Phone



Cơ cấu cổ đông

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông sáng lập	49,064,846	33.4%	5	-	5
	Trong nước	49,064,846	33.4%	5	-	5
	Nước ngoài	-	0.0%	-	-	-
2	Các quỹ đầu tư trước niêm yết	32,568,480	22.2%	2	2	-
	Trong nước	-	0.0%	-	-	-
	Nước ngoài	32,568,480	22.2%	2	2	-
3	Các nhà đầu tư lớn (trên 5%) sau niêm yết	17,861,508	12.2%	4	4	-
	Trong nước	-	0.0%	-	-	-
	Nước ngoài	17,861,508	12.2%	4	4	-
4	Quản Lý và nhân viên MWG	14,648,110	10.0%	1,318	-	1,318
	Trong nước	14,648,110	10.0%	1,318	-	1,318
	Nước ngoài	-	0.0%	-	-	-
5	Các nhà đầu tư khác	32,746,030	22.3%	1,484	89	1,395
	Trong nước	11,200,421	7.6%	1,375	24	1,351
	Nước ngoài	21,545,609	14.7%	109	65	44

Lưu ý:

- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103012275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 16/01/2009 và giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 25/12/2015.
- (*): Nêu số lượng cổ đông là tổ chức, cá nhân của từng loại hình

Các đợt tăng vốn trong năm

ĐVT: Đồng

Thời gian	Vốn điều lệ cũ	Vốn điều lệ mới
15/05/2015	1.119.567.790.000	1.399.039.760.000
11/12/2015	1.399.039.760.000	1.468.889.740.000

Cổ phần

- * (1) Tổng số lượng cổ phần: 146.888.974
- * (2) Cổ phiếu quỹ: 218.673
- * (3) = (1) - (2) Cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành: 146.670.301
- * (4) Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 9.542.864
- * (5) = (1) - (4) Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 137.127.437

Giao dịch cổ phiếu quỹ

- * Công ty hiện đang có 218.673 cổ phiếu và không phát sinh giao dịch liên quan đến cổ phiếu quỹ trong năm 2015.

Các đợt phát hành cổ phiếu trong năm 2015

- * Hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn lợi nhuận giữ lại 2014 cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4:1 với số lượng phát hành thành công là 27.947.197 cổ phần.
- * Hoàn tất việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty và công ty con dựa trên kết quả kinh doanh 2014 cho 886 nhân viên với số lượng phát hành thành công là 6.984.998 cổ phần.



QUẢN TRỊ CÔNG TY



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
MOBILE WORLD INVESTMENT



CHÀO MỪNG
CỔ ĐÔNG Đ
THAM DỰ Đ
ĐỒNG CỔ Đ

- Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- Bạn Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

- 26
- 30
- 34

Báo cáo của Hội đồng Quản trị



Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

STT	Tên tổ chức / cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)
1	Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	2.670.966	2,39%
2	Trần Lê Quân	Thành viên HĐQT	229.360	0,20%
3	Trần Kinh Doanh	Thành viên HĐQT	1.336.233	1,25%
4	Điêu Chính Hải Triều	Thành viên HĐQT	15.267.483	13,64%
5	Robert Alan Willett	Thành viên HĐQT	966.043	0,86%
6	Chris Freund	Thành viên HĐQT	909.290	0,81%
7	Thomas Lanyi	Thành viên HĐQT	13.690.362	12,23%
8	Đặng Minh Lược	Thành viên HĐQT	1.125.173	1,01%

Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Thực tế 2015	Kế hoạch 2015	Tỷ lệ hoàn thành	Thực tế 2014	Tỷ lệ tăng trưởng
Doanh thu thuần	25.252.733	23.590.452	107%	15.836.649	59%
Lợi nhuận sau thuế	1.075.769	885.937	121%	673.744	60%

ĐVT: Triệu đồng

Trong năm 2015, HĐQT không có sự thay đổi về cơ cấu nhân sự. HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ định hướng, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều Hành như sau:

- Theo dõi, nắm bắt quá trình điều hành kinh doanh của Công ty thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Giám Đốc gửi HĐQT thường kỳ và bất thường để đưa ra những phương hướng, chiến lược kịp thời và hiệu quả
- Bằng mối quan hệ rộng rãi, sự hiểu biết sâu sắc và dày dặn kinh nghiệm, các thành viên HĐQT nước ngoài là một cầu nối hiệu quả đến các đối tác Quốc tế uy tín, giúp Ban Giám Đốc MWG tiếp cận được nhiều kiến thức, tiêu chuẩn và cách thức vận hành tiên tiến trên thế giới, đem đến nhiều cơ hội học hỏi, trao đổi và hợp tác lâu dài.
- Gặp gỡ và trao đổi với hơn 100 Nhà đầu tư trong và ngoài nước để giới thiệu về MWG, lắng nghe các góp ý
- Kết hợp với Ban Kiểm Soát để nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với Ban Giám Đốc để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra.

Các buổi họp của Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	4	100%	-
2	Trần Lê Quân	Thành viên HĐQT	4	100%	-
3	Trần Kinh Doanh	Thành viên HĐQT	3	75%	Đi công tác nước ngoài
4	Điêu Chính Hải Triều	Thành viên HĐQT	4	100%	-
5	Robert Alan Willett	Thành viên HĐQT	4	100%	-
6	Chris Freund	Thành viên HĐQT	4	100%	-
7	Thomas Lanyi	Thành viên HĐQT	4	100%	-
8	Đặng Minh Luợm	Thành viên HĐQT	4	100%	-

- Thông qua các buổi họp thường kỳ, bất thường và lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT đã ban hành 12 Nghị quyết sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	0104/NQ-HĐQT/2015	06-04-15	Phát hành cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận giữ lại theo BCTC kiểm toán năm 2014
2	0204/NQ-HĐQT/2015	06-04-15	Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty và các công ty con
3	0306/NQ-HĐQT/2015	04-06-15	Thông qua chính sách chia cổ tức bằng tiền mặt
4	0406/NQ-HĐQT/2015	04-06-15	Thông qua việc mua lại cổ phần của Cổ đông thiểu số của Công ty con. Thông qua việc phân phối thù lao của TV HĐQT độc lập năm 2015
5	0508/NQ-HĐQT/2015	26-08-15	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng (mới) theo chương trình lựa chọn cho cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty và các công ty con năm 2016
6	0608/NQ-HĐQT/2015	26-08-15	Thông qua chi tiết chính sách chi trả cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt
7	0608/NQ-HĐQT/2015	26-08-15	Thông qua kế hoạch kinh doanh thử nghiệm chuỗi bán lẻ mới
8	0110/NQ-HĐQT/2015	23-10-15	Thông qua quy chế thưởng thưởng theo cổ phiếu chương trình lựa chọn cho cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty và các công ty con năm 2014
9	0210/NQ-HĐQT/2015	23-10-15	Thông qua phương án cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty và các công ty con năm 2014
10	0310/NQ-HĐQT/2015	23-10-15	Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty và các công ty con năm 2014
11	0112/NQ-HĐQT/2015	14-12-15	Thông qua việc hạn chế chuyển nhượng số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty và các công ty con năm 2014
12	0212/NQ-HĐQT/2015	14-12-15	Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2016



Nhờ đó, tập thể Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông các kỳ trong năm 2015 giao phó như sau:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 vào ngày 06/3/2015
- Hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn lợi nhuận giữ lại theo báo cáo tài chính kiểm toán 2014 với tỷ lệ 4:1
- Hoàn tất việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty và công ty con dựa trên vào kết quả kinh doanh 2014.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2016

Năm 2016, HĐQT dự kiến kế hoạch hoạt động chung như sau:

1. Tập trung đơn đốc, giám sát việc triển khai kế hoạch để hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh năm 2016 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Phối hợp với Ban Kiểm Soát tăng cường việc giám sát, kiểm tra hoạt động của Ban Giám Đốc để cùng đưa Công ty từng bước chuyên nghiệp theo quy chuẩn của một Công ty đại chúng.
3. Tiếp tục tổ chức các phiên họp thường kỳ và bất thường để lắng nghe kiến nghị của Tổng Giám Đốc và các thành viên điều hành, từ đó HĐQT đưa ra những quyết nghị thiết thực và hiệu quả cho Ban điều hành triển khai thực hiện.

Báo cáo của Ban kiểm soát

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thế Giới Di Động;
 - Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young
 Dưới đây là báo cáo tổng quan tình hình hoạt động của Ban Kiểm Soát (BKS) trong năm 2015 với các nội dung cụ thể như sau:

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2015

Ban Kiểm Soát Công ty gồm 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu ra để thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Với tư cách là đại diện cổ đông và được sự hỗ trợ của Hội Đồng Quản Trị (HDQT) và Ban Giá Đốc (BGĐ), BKS tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kiến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết tại MWG để góp phần tăng hiệu quả của hoạt động quản lý rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp. Trong năm 2015, BKS đặt mục tiêu công việc vào các vấn đề trọng yếu, chú trọng kiểm soát mức độ an toàn và hiệu quả, cụ thể:

- Giám sát hoạt động điều hành và quản lý của HDQT và BGĐ
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng quý, giữa niên độ và cả năm, nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính.
- Giám sát tình hình thực hiện và kết quả triển khai nghị quyết ĐHCĐ, nghị quyết và quyết định của HDQT.
- Giám sát sự tuân thủ quy định pháp luật nhà nước Việt Nam và Điều lệ của Công ty.
- Giám sát sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HDQT, BGĐ, các cán bộ quản lý và cổ đông.
- Xét chọn kiểm toán độc lập năm tài chính 2015.
- Hỗ trợ tư vấn trong việc xây dựng hệ thống quản trị và hệ thống kiểm soát.

Trong năm 2015, BKS cũng đã tham gia các cuộc họp định kỳ hàng quý và các cuộc họp bất thường với HDQT và BGĐ. Qua đó, BKS có thể đánh giá việc thực hiện các chủ trương của HDQT và nắm rõ toàn bộ hoạt động của Công ty tại từng thời điểm.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG BKS NĂM 2015

Giám sát hoạt động điều hành và quản lý của HDQT, BGĐ

Năm 2015 là năm triển khai chiến lược mở rộng thị phần của cả hai kênh thegioididong và dienmayxanh. Bên cạnh đó, MWG thực hiện thử nghiệm của chuỗi kinh doanh mới bachhoaxanh. Với kế hoạch kể trên, Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc đã thực hiện:

Trong năm 2015, HDQT đã họp tất cả 04 lần, các thành viên HDQT đã tham gia đầy đủ đúng theo quy định điều lệ Công ty.

Tuân thủ nghiêm các quy chế, điều lệ của MWG và pháp luật.

Triển khai đầy đủ các vấn đề nêu trong Nghị quyết ĐHCĐ năm 2015, các mục tiêu trong nghị quyết đều được xem xét, thảo luận và triển khai vào thực tiễn hoạt động của MWG.

Kiểm soát chặt chẽ việc triển khai chạy thử nghiệm chuỗi kinh doanh mới với mức đầu tư dưới 50 tỷ.

- Tập trung tăng tốc mở mới các siêu thị trên toàn quốc, tăng độ phủ thị trường.
- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng được đặt lên hàng đầu.
- Ký kết hợp tác trực tiếp với hãng lớn và nhà mạng nhằm mang lại các quyền lợi và sự hỗ trợ đặc biệt cho khách hàng.
- Tập trung phát triển mạnh mẽ kênh bán hàng ONLINE. Doanh thu ONLINE đạt trên 1000 tỷ tăng 200% so với năm 2014
- Đánh giá đúng nội lực và tiềm năng phát triển của MWG ở hiện tại và tương lai, định vị rõ hơn tầm nhìn, tạo bước đột phá mới cho chiến lược của Công ty.

Kết luận:

HDQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình, tuân thủ đúng quy định pháp luật nhà nước Việt Nam, Điều lệ của công ty, Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật. HDQT đã thực hiện hợp lệ Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015.

Các Nghị quyết của HDQT đã được ban hành tuân thủ theo đúng thẩm quyền, nội dung các Nghị quyết này tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật nhà nước Việt Nam.

Ban giám đốc đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng trong nghị quyết HDQT.

Các chỉ tiêu chính về kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

Phát triển mở rộng hệ thống siêu thị theo một quy trình chặt chẽ và hiệu quả. Năm 2015, tính đến ngày 31/12/2015 tổng siêu thị mới được mở đang hoạt động là 633 siêu thị, trong đó: 564 siêu thị thegioididong và 69 siêu thị dienmayxanh.

Giám sát tình hình tài chính năm 2015

BKS đã có các buổi làm việc chặt chẽ với đơn vị Kiểm toán độc lập của MWG (Công ty TNHH Ernst & Young cho năm tài chính 2015) về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động kiểm soát nội bộ của MWG. Hàng quý, BKS tiến hành rà soát, phân tích các số liệu, thông tin trên Báo cáo tài chính của MWG.

BKS đồng ý với ý kiến của công ty kiểm toán là Công ty TNHH Ernst & Young về báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Báo cáo tài chính được trình bày trung thực và hợp lý, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.

Căn cứ vào các báo cáo tình hình hoạt động định kỳ của Ban Giám Đốc (BGĐ), báo cáo soát xét hàng quý và báo cáo kiểm toán cả năm vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, BKS đánh giá MWG có kết quả kinh doanh phản ánh thực chất cho những nỗ lực hết mình của các thành viên MWG trong năm 2015.

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực tế - 2015	Kế hoạch (2015)	Tỷ lệ hoàn thành	Thực tế - 2014	Tỷ lệ tăng trưởng
Doanh thu thuần	25.252.733	23.590.452	107%	15.756.726	59%
Lợi nhuận trước thuế	1.385.784	1.135.817	122%	868.197	60%
Lợi nhuận sau thuế	1.075.771	885.937	121%	673.744	60%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	7.305	7.913	92%	4.533	-37%
Tài sản ngắn hạn	6.176.432	3.278.202	188%	2.837.686	118%
Tài sản dài hạn	1.089.330	653.172	167%	569.513	91%
Tổng tài sản	7.265.762	3.931.375	185%	3.407.199	113%
Nợ phải trả	4.782.209	1.549.962	309%	1.923.190	149%
Vốn chủ sở hữu	2.481.914	2.368.860	105%	1.474.956	68%
Lợi ích của cổ đông thiểu số	1.638	12.553	13%	9.053	-83%
Tổng nguồn vốn	7.265.762	3.931.375	185%	3.407.199	113%

Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015

Các nghị quyết được thông qua bởi ĐHĐCĐ thường niên 2015 đã triển khai và thực hiện đầy đủ:

- Phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: MWG đã hoàn tất việc phát hành 27.947.197 cổ phần đạt tỉ lệ 99,85%. Do cổ phiếu mỗi cổ đông nhận được làm tròn đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân bị hủy theo nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01-2015/ĐHĐCĐ/TGDD ngày 06 tháng 03 năm 2015 và cổ phiếu quỹ tăng từ 129.273 cổ phiếu lên 165.573 cổ phiếu.
- Kết quả kinh doanh năm 2015 (ĐVT: Triệu đồng):

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014		Năm 2015		
		Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	% +/- so với kế hoạch 2015	% +/- so với năm 2014
Doanh thu thuần	Tỷ	15.756.726	23.590.452	25.252.733	107%	59%
Lợi nhuận gộp	Tỷ	868.197	1.135.817	1.385.784	122%	60%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	673.744	885.937	1.075.771	121%	60%

Đánh giá sự tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ

Trong năm 2015, BKS nhận thấy không có dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Mọi hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật nhà nước Việt Nam và Điều lệ của Công ty

Đánh giá sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BGĐ, các cán bộ quản lý và cổ đông

Trong năm 2015, BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với HĐQT và BGĐ trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt trong năm 2015.

- Mua lại một phần cổ phiếu thiểu số trong Công ty Cổ Phần Thế Giới Di Động. Giao dịch đã được hoàn tất trong tháng 07/2015. Hiện nay, MWG đang nắm giữ 99,94% và các cổ đông thiểu số đang nắm giữ 0,06%.
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động: MWG đã hoàn tất việc phát hành 6,984,998 cổ phần cho 886 người lao động vào tháng 12/2015.
- Không thực hiện chính sách bán 0.1% cổ phiếu ưu đãi cho chủ nhà của các siêu thị đang kinh Doanh dựa vào kết quả kinh Doanh 2015.

Giữa BKS với HĐQT, BGĐ và các cán bộ quản lý đã luôn phối hợp chặt chẽ tuân thủ theo quy định của quy định pháp luật nhà nước Việt Nam, Điều lệ của Công ty và đặc biệt luôn tuân thủ theo các cam kết sau:

- Đặt KHÁCH HÀNG LÀM TRUNG TÂM trong mọi suy nghĩ và hành động của mình.
- Mang đến cho nhân viên một môi trường làm việc TÔN TRỌNG và CÔNG BẰNG
- Mang đến cho các cán bộ quản lý: Một SÂN CHOI công bằng để thi thố tài năng / Một cam kết cho một cuộc sống cá nhân SUNG TÚC / Một vị trí xã hội được người khác KÍNH NẾ.
- Mang đến cho các đối tác sự TÔN TRỌNG.
- Mang đến cho nhà đầu tư giá trị doanh nghiệp GIA TĂNG KHÔNG NGỪNG.
- Đóng góp cho cộng đồng thông qua việc tạo nhiều ngàn việc làm và đóng góp đầy đủ thuế cho ngân sách nhà nước.

- BKS thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty nhằm đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Xét chọn Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2015

- Trong năm 2015, BKS đã có những cuộc họp định kỳ với Kiểm toán độc lập và tiến hành các thủ tục nhằm đánh giá trình độ, kỹ năng và nguồn lực, tính hiệu quả và độc lập của đơn vị Kiểm toán độc lập. Bên cạnh đó, BKS cũng rà soát và cân nhắc về phạm vi của các dịch vụ ngoài kiểm toán mà Công ty TNHH Ernst & Young cung cấp cho Công ty để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong các hoạt động kiểm toán.

Nhận thấy rằng phạm vi dịch vụ và tính chất của hợp đồng với Công ty TNHH Ernst & Young không làm ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan khi thực hiện công việc kiểm toán.

- BKS đã thông báo cho HĐQT các thủ tục trình ĐHĐCĐ phê chuẩn chọn Công ty Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2016 trong kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS TRONG NĂM 2016

- Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo quy định pháp luật nhà nước Việt Nam và Điều lệ của Công ty, BKS đề ra kế hoạch làm việc năm 2016 như sau:

1. Kiểm soát nội bộ

- Đánh giá, ngăn chặn rủi ro phát sinh trong quá trình vận hành.
- Định kỳ kiểm tra bất thường việc thực hiện theo quy định của các phòng ban.
- Giám sát và đánh giá cam kết của các phòng ban đối với hoạt động tại siêu thị.
- Hỗ trợ, tư vấn trong việc xây dựng hệ thống IT và hệ thống kiểm soát công ty.
- Hỗ trợ các công việc khác trong quá trình vận hành.

2. Giám sát hoạt động HĐQT, BGĐ

- Tham gia các cuộc họp định kỳ với HĐQT, BGĐ và giám sát việc thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông năm 2016.
- Đảm bảo mọi nghị quyết, quyết định của HĐQT, BGĐ phù hợp với điều lệ của công ty và Luật pháp Việt Nam.
- Giám sát hoạt động kinh doanh công ty đi đúng theo chiến lược kinh doanh đã trình trong đại hội.
- Giám sát đảm bảo việc công bố thông tin đúng quy định của Luật chứng khoán

3. Kiểm toán độc lập

- BKS sẽ hoàn thiện về hình thức và nội dung trong các trao đổi với đơn vị kiểm toán độc lập cũng như quy trình đánh giá và giới thiệu kiểm toán độc lập cho ĐHĐCĐ.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban

Trần Huy Thanh Tùng



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát nội bộ

CHI TIẾT GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/ NGƯỜI LIÊN QUAN

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
I Nguyễn Đức Tài							
1	Nguyễn Đức Tài		2,670,966	2.39%	3,338,707	2.39%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
2	Nguyễn Đức Tài		3,338,707	2.39%	3,683,717	2.51%	Phát hành cổ phiếu ESOP
II Trần Lê Quân							
1	Trần Lê Quân		1,336,233	1.25%	1,670,291	1.19%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
2	Trần Lê Quân		1,670,291	1.19%	-	0.00%	Bán
III Trần Huy Thanh Tùng							
1	Trần Huy Thanh Tùng		1,508,522	1.35%	1,885,652	1.35%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
2	Trần Huy Thanh Tùng		1,885,652	1.35%	2,009,662	1.37%	Phát hành cổ phiếu ESOP
IV Điều Chính Hải Triều							
1	Điều Chính Hải Triều		1,125,173	1.01%	1,406,465	1.01%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
2	Điều Chính Hải Triều		1,406,465	1.01%	1,451,045	0.99%	Phát hành cổ phiếu ESOP
V Trần Kinh Doanh							
1	Trần Kinh Doanh		909,290	0.81%	1,136,612	0.81%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
2	Trần Kinh Doanh		1,136,612	0.81%	1,481,622	1.01%	Phát hành cổ phiếu ESOP



CHI TIẾT GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/ NGƯỜI LIÊN QUAN (Tiếp theo)

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
VI Đặng Minh Lược							
1	Đặng Minh Lược		229,360	0.20%	286,700	0.20%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
2	Đặng Minh Lược		286,700	0.20%	216,700	0.15%	Bán
3	Đặng Minh Lược		216,700	0.15%	195,340	0.14%	Bán
4	Đặng Minh Lược		195,340	0.14%	95,340	0.07%	Bán
5	Đặng Minh Lược		95,340	0.07%	189,110	0.13%	Phát hành cổ phiếu ESOP
VII Robert Alan Willett							
1	Robert Alan Willett		966,043	0.86%	1,207,553	0.82%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
VIII Vũ Đăng Linh							
1	Vũ Đăng Linh		194,463	0.17%	243,078	0.17%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
2	Vũ Đăng Linh		243,078	0.17%	143,078	0.10%	Bán
3	Vũ Đăng Linh		143,078	0.10%	185,138	0.13%	Phát hành cổ phiếu ESOP
IX Lý Trần Kim Ngân							
1	Lý Trần Kim Ngân		25,169	0.02%	21,169	0.02%	Bán
2	Lý Trần Kim Ngân		21,169	0.02%	26,461	0.02%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
3	Lý Trần Kim Ngân		26,461	0.02%	19,461	0.01%	Bán
4	Lý Trần Kim Ngân		19,461	0.01%	42,171	0.03%	Phát hành cổ phiếu ESOP
X. Hoàng Xuân Thắng							
1	Hoàng Xuân Thắng		55,192	0.05%	40,192	0.04%	Bán
2	Hoàng Xuân Thắng		40,192	0.04%	50,240	0.04%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
3	Hoàng Xuân Thắng		50,240	0.04%	36,230	0.03%	Bán
4	Hoàng Xuân Thắng		36,230	0.03%	45,490	0.03%	Phát hành cổ phiếu ESOP

CHI TIẾT GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/ NGƯỜI LIÊN QUAN (Tiếp theo)

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
XI	Nguyễn Thị Thu Thảo	Em					
1	Nguyễn Thị Thu Thảo		106,715	0.09%	133,393	0.10%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
2	Nguyễn Thị Thu Thảo		133,393	0.10%	83,393	0.06%	Bán
3	Nguyễn Thị Thu Thảo		83,393	0.06%	112,993	0.08%	Phát hành cổ phiếu ESOP
XII	Nguyễn Thị Thu Tâm	Em					
1	Nguyễn Thị Thu Tâm		82,110	0.07%	52,110	0.05%	Bán
1	Nguyễn Thị Thu Tâm		52,110	0.05%	65,137	0.05%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
3	Nguyễn Thị Thu Tâm		65,137	0.05%	25,137	0.02%	Bán
3	Nguyễn Thị Thu Tâm		25,137	0.02%	44,067	0.03%	Phát hành cổ phiếu ESOP
XIII	Phan Thị Thu Hiền	Vợ					
1	Phan Thị Thu Hiền		1,289,956	1.15%	1,039,956	0.93%	Bán
2	Phan Thị Thu Hiền		1,039,956	0.93%	1,299,945	0.93%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
2	Phan Thị Thu Hiền		1,299,945	0.93%	-	0.88%	Phát hành cổ phiếu ESOP
XIV	Nguyễn Xuân Đoài	Vợ					
1	Nguyễn Xuân Đoài		1,101,706	0.98%	1,091,706	0.98%	Bán
2	Nguyễn Xuân Đoài		1,091,706	0.98%	1,364,632	0.98%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
3	Nguyễn Xuân Đoài		1,364,632	0.98%	-	0.93%	Phát hành cổ phiếu ESOP
XV	Nguyễn Thị Thu Hương	Vợ					
1	Nguyễn Thị Thu Hương		639,347	0.57%	799,183	0.57%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
2	Nguyễn Thị Thu Hương		799,183	0.57%	-	0.54%	Phát hành cổ phiếu ESOP
XVI	Phan Thị Thu Thủy	Vợ					
1	Phan Thị Thu Thủy		1,296,716	1.16%	1,620,895	1.16%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
2	Phan Thị Thu Thủy		1,620,895	1.16%	-	1.10%	Phát hành cổ phiếu ESOP

CHI TIẾT GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/ NGƯỜI LIÊN QUAN (Tiếp theo)

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
XVII	Trần Huy Thanh Đại	Em					
1	Trần Huy Thanh Đại		17,822	0.02%	22,277	0.02%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
2	Trần Huy Thanh Đại		22,277	0.02%	26,067	0.02%	Phát hành cổ phiếu ESOP
XVIII	Trần Huy Đông	Em					
1	Trần Huy Đông		514	0.00%	642	0.00%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
2	Trần Huy Đông		642	0.00%	3,202	0.00%	Phát hành cổ phiếu ESOP
XIX	CDH Electric Bee Limited						
1	CDH Electric Bee Limited		13,690,362	12.23%	13,221,302	11.81%	Bán
2	CDH Electric Bee Limited		13,221,302	11.81%	16,526,627	11.81%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
3	CDH Electric Bee Limited		16,526,627	11.81%	12,126,627	8.26%	Bán
XX	Mekong Enterprise Fund II, Ltd						
1	Mekong Enterprise Fund II, Ltd		13,027,483	13.64%	12,836,483	11.47%	Bán
2	Mekong Enterprise Fund II, Ltd		12,836,483	11.47%	16,041,853	11.47%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
2	Mekong Enterprise Fund II, Ltd		16,041,853	11.47%	-	10.92%	Phát hành cổ phiếu ESOP
XXI	Ntasian Discovery Master Fund						
1	Ntasian Discovery Master Fund		5,509,000	4.92%	6,381,000	5.70%	Mua
2	Ntasian Discovery Master Fund		6,381,000	5.55%	7,976,250	5.70%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
3	Ntasian Discovery Master Fund		7,976,250	5.70%	-	5.43%	Phát hành cổ phiếu ESOP
XXII	Mutual Fund Elite (NON-UCITS)						
1	Mutual Fund Elite (NON-UCITS)		7,708,207	6.89%	7,908,207	7.06%	Mua
2	Mutual Fund Elite (NON-UCITS)		7,908,207	7.06%	9,885,258	7.07%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
3	Mutual Fund Elite (NON-UCITS)		9,885,258	7.07%	-	6.73%	Phát hành cổ phiếu ESOP

CHI TIẾT GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/ NGƯỜI LIÊN QUAN (Tiếp theo)

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
XXIII Công Ty TNHH MTV Sơn Ban							
1	Công ty TNHH MTV Sơn Ban		3,245,452	2.90%	4,056,815	2.90%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
2	Công ty TNHH MTV Sơn Ban		4,056,815	2.90%	-	2.76%	Phát hành cổ phiếu ESOP
XXIV Công Ty TNHH MTV Tư Vấn Đầu Tư Thế Giới Bán Lẻ							
1	Công ty TNHH MTV Tư Vấn Đầu Tư Thế Giới Bán Lẻ		15,454,529	13.80%	19,318,161	13.81%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
2	Công ty TNHH MTV Tư Vấn Đầu Tư Thế Giới Bán Lẻ		19,318,161	13.81%	-	13.15%	Phát hành cổ phiếu ESOP
XXV Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Trần Huy							
1	Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Trần Huy		3,245,452	2.90%	4,056,815	2.90%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
2	Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Trần Huy		4,056,815	2.90%	-	2.76%	Phát hành cổ phiếu ESOP
XXVI Công Ty TNHH Tri Tâm							
2	Công ty TNHH Tri Tâm		11,590,905	10.35%	14,488,631	10.36%	Phát hành cổ phiếu từ VCSH 05/2015
2	Công ty TNHH Tri Tâm		14,488,631	10.36%	-	9.86%	Phát hành cổ phiếu ESOP

Xác nhận của Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Đức Tài

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: VNĐ

	Mức thù lao đã được ĐHĐCĐ thường niên 2015 thông qua	Mức thù lao thực tế chi trả
Thành viên HĐQT không tham gia điều hành	1.060.000.000	1.550.500.000
Thành viên Ban Kiểm soát	0	0

Lý do: Căn cứ vào đóng góp của TV HĐQT độc lập, Hội đồng quản trị đã nâng mức thù lao trong năm 2015, 2016 của TV HĐQT độc lập như trên.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin chung

41

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

42

Báo cáo kiểm toán độc lập

43

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

44

Báo cáo kết quả hoạt động
kinh doanh hợp nhất

46

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
hợp nhất

48

Thuyết minh báo cáo tài chính
hợp nhất

50

Mạng lưới hoạt động

72



THÔNG TIN CHUNG

Công Ty Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103012275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại 222 Yersin, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà E-Town 2, Lầu 5, Số 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có hai công ty con là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động và Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử (“Nhóm Công ty”). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015,

Hội Đồng Quản Trị Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập

Ông NGUYỄN ĐỨC TÀI	Chủ tịch
Ông TRẦN LÊ QUÂN	Thành Viên
Ông ĐIỀU CHÍNH HẢI TRIỀU	Thành Viên
Ông CHRIS FREUND	Thành Viên
Ông THOMAS LANYI	Thành Viên
Ông TRẦN KINH DOANH	Thành Viên
Ông ROBERT WILLET	Thành Viên
Ông ĐẶNG MINH LỢM	Thành Viên

Ban Giám Đốc Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Ông NGUYỄN ĐỨC TÀI	Tổng Giám đốc
Ông TRẦN LÊ QUÂN	Giám đốc Kỹ thuật
Ông ĐIỀU CHÍNH HẢI TRIỀU	Giám đốc Tài chính

Công ty nắm 99,95% phần vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động và 99,95% phần vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử.

Lĩnh vực hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Nhóm Công ty là mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại; máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan. Bên cạnh đó, Nhóm công ty bắt đầu triển khai thử nghiệm các mặt hàng thực phẩm, đồ uống, thực phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Ban Kiểm Soát Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Ông TRẦN HUY THANH TÙNG	Trưởng Ban
Ông HOÀNG XUÂN THẮNG	Thành Viên
Ông NGUYỄN KHÁNH VÂN	Thành Viên

Người Đại Diện Theo Pháp Luật Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông **Nguyễn Đức Tài**.

Kiểm Toán Viên Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trách Nhiệm Của Ban Giám Đốc Đối Với Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Công Bố Của Ban Giám Đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 2 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 12 tháng 2 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 33 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của



Ernst & Young Vietnam limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61110221/17666208-HN

Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Ngày 12 tháng 2
năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-DN/HN

Mã Số	Tài Sản	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.176.432.326.364	2.837.686.622.393
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	343.872.968.705	212.920.620.191
111	1. Tiền		341.111.726.751	210.211.076.663
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.761.241.954	2.709.543.528
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		636.322.979.955	301.952.738.787
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng		76.906.740.739	44.481.521.771
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		218.453.419.175	90.846.398.087
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	340.962.820.041	166.624.818.929
140	III. Hàng tồn kho	6	4.932.684.842.299	2.195.306.348.135
141	1. Hàng tồn kho		5.009.708.492.628	2.253.516.929.935
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(77.023.650.329)	(58.210.581.800)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		263.551.535.405	127.506.915.280
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	109.626.068.028	77.713.718.762
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		153.922.967.377	49.618.196.518
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.500.000	175.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.089.329.907.510	569.512.868.791
210	I. Phải thu dài hạn		112.464.049.268	74.281.249.525
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	112.464.049.268	74.281.249.525
220	II. Tài sản cố định		849.146.989.686	411.358.537.322
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	826.925.406.043	388.331.224.087
222	- Nguyên giá		1.182.769.513.198	558.482.010.906
223	- Giá trị khấu hao lũy kế		(355.844.107.155)	(170.150.786.819)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	22.221.583.643	23.027.313.235
228	- Nguyên giá		26.203.355.944	26.151.751.644
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.981.772.301)	(3.124.438.409)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-DN/HN

Mã Số	Tài Sản	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		42.854.581.814	23.060.724.276
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	42.854.581.814	23.060.724.276
260	IV. Tài sản dài hạn khác		84.864.286.742	60.812.357.668
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	56.933.695.976	25.459.480.409
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	15.404.730.066	12.806.327.995
269	3. Lợi thế thương mại	13	12.525.860.700	22.546.549.264
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.265.762.233.874	3.407.199.491.184

Mã Số	Nguồn Vốn	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		4.782.209.545.548	1.923.190.326.673
310	I. Nợ ngắn hạn		4.782.209.545.548	1.923.190.326.673
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	1.971.271.636.818	981.794.284.232
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		19.297.585.840	8.353.792.068
313	3. Thuế và các khoản nộp nhà nước	15	174.477.742.839	57.948.259.321
314	4. Phải trả người lao động		52.487.558.084	344.502.084
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	307.223.642.031	191.807.973.852
316	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	175.362.240.764	48.482.430.642
319	7. Vay ngắn hạn	18	2.052.945.972.681	618.690.305.273
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		24.193.166.491	10.818.779.201
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.950.000.000	4.950.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.483.552.688.326	1.484.009.164.511
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.483.552.688.326	1.484.009.164.511
411	1. Vốn cổ phần	19.1	1.468.889.740.000	1.119.567.790.000
411a	- Cổ phiếu có quyền biểu quyết		1.468.889.740.000	1.119.567.790.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	19.1	36.717.698.286	36.717.698.286

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-DN/HN

Mã Số	Tài Sản	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
414	3. Vốn khác	19.1	1.130.494.084	1.130.494.084
415	4. Cổ phiếu quỹ	19.1	(2.454.294.500)	(300.394.500)
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.1	977.630.195.800	317.840.559.767
421a	- (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(31.481.390.233)	51.744.017.935
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này		1.009.111.586.033	266.096.541.832
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.638.854.656	9.053.016.874
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.265.762.233.874	3.407.199.491.184



Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 2 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã Số	Tài Sản	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	25.388.072.018.730	15.836.649.248.254
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(135.338.939.486)	(79.923.391.578)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và hàng cung cấp dịch vụ	20.1	25.252.733.079.244	15.756.725.856.676
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(21.330.302.185.370)	(13.360.606.457.365)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.922.430.893.874	2.396.119.399.311

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B02-DN/HN

Mã Số	Tài Sản	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	80.985.820.413	71.335.314.202
22	7. Chi phí tài chính	22	(40.666.093.756)	(21.291.413.996)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(38.893.852.014)	(21.261.415.761)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(2.351.094.719.997)	(1.349.301.070.370)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(249.315.306.535)	(240.543.267.438)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.362.340.593.999	856.318.961.709
31	11. Thu nhập khác		25.192.750.122	15.118.039.591
32	12. Chi phí khác		(1.749.556.427)	(3.239.558.206)
40	13. Lợi nhuận khác		23.443.193.695	11.878.481.385
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.385.783.787.694	868.197.443.094
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.2	(312.610.960.322)	(203.799.232.655)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	23.3	2.598.402.071	9.346.006.165
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.075.771.229.443	673.744.216.604
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		1.071.893.519.399	668.106.031.832
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		3.877.710.044	5.638.184.772
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	7.305	4.553
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24	7.305	4.553



Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 2 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-DN/HN

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		1.385.783.787.694	868.197.443.094
	Điều chỉnh cho các khoản:			
	- Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	9, 10, 13	197.056.011.824	116.388.450.156
03	- Dự phòng		32.187.455.819	50.319.643.793
04	- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái		(138.916.487)	-
05	- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư		(856.415.030)	(4.921.557.749)
06	- Chi phí lãi vay	22	38.893.852.014	21.261.415.761
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.652.925.775.834	1.051.245.395.055
09	- Tăng các khoản phải thu		(476.685.311.770)	(69.681.219.038)
10	- Tăng hàng tồn kho		(2.756.191.562.693)	(948.838.589.256)
11	- Tăng các khoản phải trả	23.3	1.235.357.266.488	415.275.921.603
12	- Tăng chi phí trả trước		(63.386.564.833)	(105.661.480.544)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(37.442.521.379)	(21.122.048.282)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(196.048.457.727)	(221.553.246.030)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(641.471.376.080)	99.664.733.508
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(586.517.897.472)	(266.396.524.598)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	1.447.928.974
25	Tiền chi để mua một phần vốn chủ sở hữu trong công ty con		(72.239.580.000)	(50.000.000.000)
27	Lãi tiền gửi		913.660.286	6.723.644.862
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(657.843.817.186)	(308.224.950.762)
31	Phát hành cổ phiếu		-	11.866.630.000
	Nhận góp vốn của cổ đông thiểu số		-	2.297.033.481
32	Mua lại cổ phiếu		(2.153.900.000)	(300.394.500)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-DN/HN

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
33	Tiền thu từ đi vay		8.129.261.915.021	3.786.869.312.765
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(6.695.006.247.613)	(3.681.368.000.939)
36	Cổ tức đã trả		(1.834.225.628)	(2.617.511.830)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.430.267.541.780	116.747.068.977
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		130.952.348.514	(91.813.148.277)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		212.920.620.191	304.733.768.468
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	343.872.968.705	212.920.620.191



Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 2 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103012275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại 222 Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà E-Town 2, Lầu 6, Số 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Lĩnh vực hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại; máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan. Bên cạnh đó, Nhóm công ty bắt đầu triển khai thử nghiệm các mặt hàng thực phẩm, đồ uống, thực phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 15.784 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 9.503).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 2 công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty:

- Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (“TGDD”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005841 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007. TGDD có trụ sở chính tại 130 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nắm 99,95% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.
- Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử (“TGĐT”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310471746 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2010. TGĐT có trụ sở chính tại 130 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nắm 99,95% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Nhóm Công ty cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 29.

3.1.2 Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”) thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, với giá trị được xác định như sau:

Điện thoại di động và máy tính xách tay	- Giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị kỹ thuật số điện tử	- Giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Phụ kiện	- Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Phụ kiện gia dụng	- Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	- Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc:	5 năm
Phần mềm máy tính:	4 năm
Phương tiện vận tải:	6 năm
Thiết bị văn phòng:	3 - 8 năm
Lợi thế thương mại:	3 - 10 năm
Quyền sử dụng đất:	Vô thời hạn

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm công ty VNĐ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

3.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được cổ đông phê duyệt trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng (nếu có) theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.16 Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.19 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và vay.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Nhóm Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.20 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện có liên quan trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Giám đốc giả định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện có liên quan và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền mặt	174.622.309.580	82.487.162.647
Tiền gửi ngân hàng	156.416.860.560	121.348.089.485
Tiền đang chuyển	10.072.556.611	6.375.824.531
Các khoản tương đương tiền	2.761.241.954	2.709.543.528
TỔNG CỘNG	343.872.968.705	212.920.620.191

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4,6% đến 6,7% mỗi năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Phải thu từ các nhà cung cấp (i)	315.160.616.094	141.101.160.525
- Samsung Điện Tử Việt Nam Thái Nguyên	84.642.627.135	-
- Sony Điện Tử Việt Nam	39.288.779.993	13.405.458.562
- Apple South Asia Pte Ltd	33.241.094.849	-
- Thế giới số	743.694.036	27.659.794.327
- Khác	157.244.420.080	100.035.907.636
Tạm ứng cho nhân viên	11.492.620.175	3.145.127.782
Thuế giá trị gia tăng chưa kê khai	8.360.478.184	8.629.278.856
Phải thu nhân viên	1.472.973.206	10.084.486.253
Các khoản khác	4.476.132.382	3.664.765.513
TỔNG CỘNG	340.962.820.041	166.624.818.929

(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.

6. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Điện thoại di động	2.917.942.837.633	1.335.452.318.704
Thiết bị điện tử	994.220.035.046	205.802.397.137
Phụ kiện	326.542.170.462	173.190.066.337
Máy tính bảng	304.528.245.430	203.533.555.982
Thiết bị gia dụng	199.084.160.955	51.304.295.501
Máy tính xách tay	97.995.910.134	122.408.233.954
Hàng đang chuyển	75.315.470.199	75.525.475.680
Thẻ cào	48.959.965.108	45.212.617.095
Hàng hóa khác	45.119.697.661	41.087.969.545
TỔNG CỘNG	5.009.708.492.628	2.253.516.929.935
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(77.023.650.329)	(58.210.581.800)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.932.684.842.299	2.195.306.348.135

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, hàng tồn kho trị giá 2.736 tỷ VNĐ đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số 18)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(58.210.581.800)	(15.728.735.592)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(77.023.650.329)	(58.210.581.800)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	58.210.581.800	15.728.735.592
Số cuối năm	(77.023.650.329)	(58.210.581.800)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện chi phí thuê và thành lập văn phòng và các trung tâm phân phối.

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác chủ yếu thể hiện chi phí ký quỹ dài hạn của văn phòng, cửa hàng và các trung tâm phân phối.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VNĐ	
				Tổng cộng	
Nguyên giá:					
Số đầu năm	453.611.268.500	8.871.532.798	95.999.209.608	558.482.010.906	
Mua trong năm	453.428.146.442	20.005.610.881	79.219.847.533	552.653.604.856	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	72.175.811.724	-	-	72.175.811.724	
Thanh lý trong năm	(22.528.529)	(75.513.891)	(443.871.868)	(541.914.288)	
Số cuối năm	979.192.698.137	28.801.629.788	174.775.185.273	1.182.769.513.198	
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	120.289.056.488	2.786.255.151	47.075.475.180	170.150.786.819	
Khấu hao trong năm	160.198.722.524	2.233.962.198	23.745.304.646	186.177.989.368	
Thanh lý trong năm	(22.528.529)	(18.268.635)	(443.871.868)	(484.669.032)	
Số cuối năm	280.465.250.483	5.001.948.714	70.376.907.958	355.844.107.155	
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	333.322.212.012	6.085.277.647	48.923.734.428	388.331.224.087	
Số cuối năm	698.727.447.654	23.799.681.074	104.398.277.315	826.925.406.043	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VNĐ
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	21.042.500.000	5.109.251.644	26.151.751.644
Mua trong năm	51.604.300	-	51.604.300
Số cuối năm	21.094.104.300	5.109.251.644	26.203.355.944
Giá trị khấu trừ lũy kế:			
Số đầu năm	-	3.124.438.409	3.124.438.409
Khấu trừ trong năm	-	857.333.892	857.333.892
Số cuối năm	-	3.981.772.301	3.981.772.301
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	21.042.500.000	1.984.813.235	23.027.313.235
Số cuối năm	21.094.104.300	1.127.479.343	22.221.583.643

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí thành lập của hàng và trung tâm phân phối.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thiết kế, bài trí mới các cửa hàng	26.856.894.734	15.684.344.950
Chi phí thuê cửa hàng	17.563.004.795	7.599.593.940
Thiết bị có giá trị nhỏ	12.513.796.447	2.175.541.519
TỔNG CỘNG	56.933.695.976	25.459.480.409

13. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

	VNĐ
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	30.159.070.256
Giá trị khấu trừ lũy kế:	
Số đầu năm	7.612.520.992
Phân bổ trong năm	10.020.688.564
Số cuối năm	17.633.209.556
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	22.546.549.264
Số cuối năm	12.525.860.700

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	310.867.954.724	101.806.813.960
Sony Điện Tử Việt Nam	277.697.871.987	199.378.586.320
Khác	1.382.705.810.107	680.608.883.952
TỔNG CỘNG	1.971.271.636.818	981.794.284.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế TNDN phải nộp (Thuyết minh số 23.2)	172.757.057.796	56.194.555.201
Thuế thu nhập cá nhân	1.292.323.411	1.558.548.324
Thuế giá trị gia tăng	20.180.013	82.901.795
Khác	408.181.619	112.254.001
TỔNG CỘNG	174.477.742.839	57.948.259.321

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản thưởng phải trả nhân viên	161.706.975.206	150.513.296.809
Chi phí tiếp thị quảng cáo	76.450.519.460	3.122.962.573
Các khoản phải trả nhân viên	26.353.287.007	19.336.155.459
Chi phí dịch vụ bảo hành	16.373.296.196	2.797.127.818
Các chi phí tiện ích	12.104.268.559	5.352.285.937
Chi phí vận chuyển	10.202.726.442	6.321.750.705
Khác	4.032.569.161	4.364.394.551
TỔNG CỘNG	307.223.642.031	191.807.973.852

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu hộ cước phí	88.953.566.726	16.061.873.910
Phiếu giảm giá	52.188.360.000	1.257.680.000
Thu hộ tiền trả góp	20.780.034.000	16.830.373.000
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	3.789.853.004	2.636.452.669
Nhân viên ký quỹ	3.390.559.040	1.186.265.385
Người bán ứng trước tiền trung bày	-	9.803.827.171
Các khoản phải trả khác	6.259.867.994	705.958.507
TỔNG CỘNG	175.362.240.764	48.482.430.642

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

18. VAY NGẮN HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngân hàng	2.052.945.972.681	618.690.305.273

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn ngân hàng này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

VNĐ

Bên cho vay	Số dư cuối năm	Kỳ hạn thanh toán	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	663.668.185.632	từ 12/01/2016 đến 29/03/2016	thả nổi	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	401.207.982.139	từ 15/02/2016 đến 29/02/2016	thả nổi	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered(Việt Nam)	304.154.263.160	từ 18/01/2016 đến 23/02/2016	thả nổi	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	278.905.246.682	từ 15/01/2016 đến 21/01/2016	thả nổi	Tín chấp
Ngân Hàng TMCP Quân Đội – chi nhánh Quảng Nam	194.033.257.300	từ 22/01/2016 đến 29/02/2016	thả nổi	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	121.977.629.736	từ 21/01/2016 đến 01/02/2016	thả nổi	Hàng tồn kho
Citibank N.A Việt Nam	88.999.408.032	từ 06/01/2016 đến 12/01/2016	thả nổi	Tín chấp
TỔNG CỘNG	2.052.945.972.681			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

							VNĐ
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác	Tổng cộng	
Năm trước:							
Số đầu năm	109.567.040.000	151.578.368.286	-	538.007.977.935	1.130.494.084	800.283.880.305	
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	6.851.120.000	5.015.510.000	-	-	-	11.866.630.000	
Phát hành cổ phiếu thưởng	119.876.180.000	(119.876.180.000)	-	-	-	-	
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	829.962.270.000	-	-	(829.962.270.000)	-	-	
Phát hành cổ phiếu ESOP	53.311.180.000	-	-	(53.311.180.000)	-	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.000.000.000)	-	(5.000.000.000)	
Mua lại cổ phiếu	-	-	(300.394.500)	-	-	(300.394.500)	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	668.106.031.832	-	668.106.031.832	
Số cuối năm	1.119.567.790.000	36.717.698.286	(300.394.500)	317.840.559.767	1.130.494.084	1.474.956.147.637	
Năm trước:							
Số đầu năm	1.119.567.790.000	36.717.698.286	(300.394.500)	317.840.559.767	1.130.494.084	1.474.956.147.637	
Phát hành cổ phiếu thưởng (i)	279.471.970.000	-	-	(279.471.970.000)	-	-	
Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con (ii)	-	-	-	(62.781.933.366)	-	(62.781.933.366)	
Phát hành cổ phiếu ESOP (iii)	69.849.980.000	-	-	(69.849.980.000)	-	-	
Mua lại cổ phiếu	-	-	(2.153.900.000)	-	-	(2.153.900.000)	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.071.893.519.399	-	1.071.893.519.399	
Số cuối năm	1.468.889.740.000	36.717.698.286	(2.454.294.500)	977.630.195.800	1.130.494.084	2.481.913.833.670	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

(i) Vào ngày 15 tháng 6 năm 2015, Công ty đã phát hành 27.947.197 cổ phiếu thưởng mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phiếu với tổng giá trị là 279.471.970.000 VNĐ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty với tỷ lệ thực hiện là 4:1 (phát hành 1 cổ phiếu mới cho mỗi 4 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ) theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01_2015/NQĐHĐCĐ/TGDD ngày 6 tháng 3 năm 2015.

Vào ngày 21 tháng 6 năm 2015, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cho lần phát hành cổ phiếu trên.

(ii) Vào ngày 31 tháng 7 năm 2015, Công ty đã mua thêm 0,6% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (“TGDD”) từ các cổ đông không kiểm soát để nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty trong TGDD từ 99,35% lên 99,95% với tổng số tiền 72.239.580.000 VNĐ. Khoản chênh lệch giữa giá phí đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của TGDD tại ngày mua với số tiền 62.781.933.366 VNĐ được ghi nhận vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối theo quy định tại Thông tư 202.

(iii) Vào ngày 11 tháng 12 năm 2015, Công ty đã phát hành 6.984.998 cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) trong Công ty và các công ty con mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phiếu với tổng giá trị là 69.849.980.000 VNĐ từ lợi nhuận chưa phân phối của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01_2015/NQĐHĐCĐ/TGDD ngày 6 tháng 3 năm 2015.

Vào ngày 25 tháng 12 năm 2015, Công ty đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cho lần phát hành cổ phiếu trên.

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VNĐ
	Số cổ phiếu
Số đầu năm	111.956.779
Tăng vốn trong năm	34.932.195
Số cuối năm	146.888.974

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VNĐ thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

19.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	VNĐ	
	Số cuối năm Số cổ phiếu	Số đầu năm Số cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	146.888.974	111.956.779
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
- Cổ phiếu phổ thông	146.888.974	111.956.779
Số lượng cổ phiếu quỹ		
- Cổ phiếu phổ thông	(218.673)	(3.283)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	146.670.301	111.953.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	25.388.072.018.730	15.836.649.248.254
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	25.200.315.769.140	15.758.848.880.442
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	187.756.249.590	77.800.367.812
Các khoản giảm trừ doanh thu	(135.338.939.486)	(79.923.391.578)
Trong đó:		
- Hàng bán bị trả lại	(135.338.939.486)	(79.923.391.578)
Doanh thu thuần	25.252.733.079.244	15.756.725.856.676

20.2 Doanh thu tài chính

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	79.030.511.645	64.497.775.036
Lãi tiền gửi	913.660.286	6.723.644.862
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.041.648.482	113.894.304
TỔNG CỘNG	80.985.820.413	71.335.314.202

21. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	21.330.302.185.370	13.360.606.457.365
Chi phí nhân công	1.385.875.600.882	950.568.854.006
Chi phí khấu hao và khấu trừ (Thuyết minh số 9, 10 và 13)	197.056.011.824	116.388.450.156
Chi phí khác	1.017.478.413.826	522.887.033.646
TỔNG CỘNG	23.930.712.211.902	14.950.450.795.173

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	38.893.852.014	21.261.415.761
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.772.241.742	29.998.235
TỔNG CỘNG	40.666.093.756	21.291.413.996

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 22% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

23.1 Chi phí thuế TNDN

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	312.610.960.322	203.505.791.975
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	293.440.680
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	2.598.402.071	9.346.006.165
TỔNG CỘNG	315.209.362.393	213.145.238.820

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và thu nhập chịu thuế ước tính:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.385.783.787.694	868.197.443.094
Các điều chỉnh		
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	6.341.365.765	6.812.120.518
Phân bổ lợi thế thương mại	10.020.688.564	7.534.917.337
Thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho	18.813.068.529	42.481.846.208
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	1.420.958.910.552	925.026.327.157
Chi phí thuế TNDN ước tính	312.610.960.322	203.505.791.975
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	293.440.680
Chi phí thuế TNDN ước tính	312.610.960.322	203.799.232.655
Thuế TNDN phải trả đầu năm	56.194.555.201	73.948.568.576
Thuế TNDN đã trả trong năm	(196.048.457.727)	(221.553.246.030)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	172.757.057.796	56.194.555.201

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

23.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Lợi ích ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	15.404.730.066	12.806.327.995	2.598.402.071	9.346.006.165
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	15.404.730.066	12.806.327.995		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			2.598.402.071	9.346.006.165

24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VNĐ)	1.071.893.519.399	668.106.031.832
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (*)	146.734.234	146.745.058
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	7.305	4.553

25. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	11.185.976.152	14.759.382.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và các trung tâm phân phối theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Đến 1 năm	420.778.565.308	239.610.921.245
Từ 1 đến 5 năm	1.239.689.659.921	637.222.663.362
Trên 5 năm	675.222.437.710	372.977.081.707
TỔNG CỘNG	2.335.690.662.939	1.249.810.666.314

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty có các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Nhóm Công ty có khả năng gặp các rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tín dụng

Khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Nhóm Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

VNĐ

	Bất kỳ thời điểm nào
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
Các khoản vay	2.052.945.972.681
Phải trả người bán	1.971.271.636.818
Khoản phải trả khác và chi phí phải trả	482.585.882.795
	4.506.803.492.294
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
Các khoản vay	618.690.305.273
Phải trả người bán	981.794.284.232
Khoản phải trả khác và chi phí phải trả	240.290.404.494
	1.840.774.993.999

Nhóm Công ty cho rằng rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Nhóm Công ty đã sử dụng hàng tồn kho làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 18).

Nhóm Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của các bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

VNĐ

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Phải thu khách hàng	76.906.740.739	-	44.481.521.771	-	76.906.740.739	44.481.521.771
Phải thu khác	453.426.869.309	-	161.407.629.379	-	453.426.869.309	161.407.629.379
Tiền và tương đương tiền	343.872.968.705	-	212.920.620.191	-	343.872.968.705	212.920.620.191
TỔNG CỘNG	874.206.578.753	-	418.809.771.341	-	874.206.578.753	418.809.771.341
Nợ phải trả tài chính						
Vay	2.052.945.972.681	-	618.690.305.273	-	2.052.945.972.681	618.690.305.273
Phải trả người bán	1.971.271.636.818	-	981.794.284.232	-	1.971.271.636.818	981.794.284.232
Khoản phải trả khác và chi phí phải trả	482.585.882.795	-	240.290.404.494	-	482.585.882.795	240.290.404.494
TỔNG CỘNG	4.506.803.492.294	-	1.840.774.993.999	-	4.506.803.492.294	1.840.774.993.999

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được đánh giá tương đương với giá trị ghi sổ của chúng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

B09-DN/HN

29. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200.

Chi tiết như sau:

	VNĐ	
Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được phân loại lại)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Phải thu ngắn hạn khác	161.407.629.379	5.217.189.550	166.624.818.929
Tài sản ngắn hạn khác	5.217.189.550	(5.217.189.550)	-
Phải thu dài hạn khác	-	74.281.249.525	74.281.249.525
Tài sản dài hạn khác	74.281.249.525	(74.281.249.525)	-

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 2 năm 2016

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Cuối năm 2015, MWG có 633 siêu thị trải rộng khắp 63 tỉnh thành, trong đó có 564 siêu thị thế giới di động và 69 siêu thị điện máy xanh.

Thegioididong.Com sẽ tiếp tục mở rộng hệ thống siêu thị mạnh mẽ trong 2015 để phục vụ khách hàng trên khắp mọi miền đất nước.

CHUỖI SIÊU THỊ ĐIỆN THOẠI THEGIOIDIDONG.COM

TP. HỒ CHÍ MINH

- 8D Nguyễn Thị Minh Khai, P. Đa Kao, Q. 01
- 104 Hòa Bình, P. Phú Trung, Q. Tân Phú
- 12 Nguyễn Trãi, P. 03, Q. 05
- 1273 Đường 3/2, P. 6, Q. 11
- 1302-1304-1306 Tỉnh Lộ 10, KP. 5, P. Tân Tạo, Q. Bình Tân
- 153B Phan Đăng Lưu, P. 02, Q. Phú Nhuận
- 1615 Tỉnh Lộ 10, Khu phố 5, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân
- 1787 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 4, thị trấn Nhà Bè, Huyện Nhà Bè
- 1826A Tỉnh Lộ 10, Khu phố 1, P. Tân Tạo, Q. Bình Tân
- 22/5 Phan Văn Hón, ấp 7, xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn
- 222 Trường Chinh, P. Tân Hưng Thuận, Q.12
- 228 - 228A - 230 Đường 3/2, P. 12, Q. 10
- 310 Trường Chinh, P. 13, Q. Tân Bình
- 311 Huỳnh Tấn Phát, P. Tân Thuận Đông, Q. 7
- 340 - 342 Võ Văn Ngân, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức,
- 455 Tân Kỳ Tân Quý, P. Tân Quý, Q. Tân Phú
- 532-534 Trần Hưng Đạo, P. 02, Q. 05
- 650 Trường Chinh, P. 15, Q. Tân Bình
- 692, Quang Trung, P. 8, Q. Gò Vấp
- 722 Tỉnh Lộ 10, Khu phố 18, P. Bình Trị Đông, Q. Bình Tân
- 670 Âu Cơ, P. 10, Q. Tân Bình
- Big C An Lạc, 1231 Quốc Lộ 1A, KP 5, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân
- Big C Trường Chinh, 1/1 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú
- A1/9 Ấp 2, xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh
- A11/1 Ấp 2, Xã Bình Hưng, H. Bình Chánh
- 759 Cách MạngTháng 8, P. 6, Q. Tân Bình
- 330 Cộng Hòa, P. 13, Q. Tân Bình
- Số 126/5E, khu phố 5, thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi
- 191 Điện Biên Phủ, P. 06, Q. 3
- 246 Đỗ Xuân Hợp, P. Phước Long A, Q. 9
- 288/1-288/3 Dương Bá Trạc, P. 02, Q. 08
- 30/1 Hà Huy Giáp, Khu Phố 2, P. Thạnh Lộc, Q. 12
- 174 - 176 Hải Thượng Lãn Ông, P. 10, Q. 05
- 1077 Hậu Giang, P. 11, Q. 6
- 127 Hoàng Văn Thụ, P. 08, Q. Phú Nhuận
- 4/25, ấp Nam Thới, xã Thới Tam Thôn, H. Hóc Môn
- 482 Hồng Bàng, P. 16, Q. 11
- 1024 Hương Lộ 2, KP 6, P. Bình Trị Đông A, Q. Bình Tân
- 1208 Kha Vạn Cân, KP 2, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức
- 163-165 Khánh Hội, Q. 4
- 3 Kinh Dương Vương, P. 12, Q. 6
- 848 Lạc Long Quân, P. 8, Q. Tân Bình
- 281K Lãnh Binh Thăng, P. 8, Q. 11
- 644-646 Lê Đức Thọ, P. 15, Q. Gò Vấp
- 307B Lê Quang Định, P. 07, Q. Bình Thạnh
- 56A Lê Quang Sung, P. 2, Q. 6
- 451 Lê Trọng Tấn, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú
- 108 Lê Văn Khuông, Q. 12
- 287 Lê Văn Quới, P. Bình Trị Đông, Q. Bình Tân
- 359B Lê Văn Sỹ, P. 1, Q. Tân Bình
- 159 -161 Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, Q. 9
- 319-321 Liên Tỉnh 5, P. 5, Q. 8
- 270B Lý Thường Kiệt, P. 06, Q. Tân Bình
- 98 Minh Phụng, P. 6, Q. 6
- 260-262-264 Nguyễn Ảnh Thủ, Khu phố 2, P. Hiệp Thành, Q. 12
- 341-343-345 Nguyễn Chí Thanh, P. 15, Q. 05
- Ấp 1, Nguyễn Cửu Phú, Xã Tân Kiên, H. Bình Chánh
- 89A Nguyễn Đình Chiểu, Q. 3
- 1A Nguyễn Kiệm, P. 3, Q. Gò Vấp
- 189 Nguyễn Oanh, F.10, Q. Gò Vấp
- 171 Nguyễn Sơn, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú
- 136 Nguyễn Thái Học, P. Phạm Ngũ Lão, Q. 1
- 190B Nguyễn Thị Định, P. An Phú, Q. 2
- 182 A Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 3
- 468 Nguyễn Thị Thập, P. Tân Quy, Q. 7
- D7/23, ấp 4, Nguyễn Thị Tú, Xã Vĩnh Lộc B, Huyện Bình Chánh
- 229 Nguyễn Thị Tú, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân
- 708 Nguyễn Trãi, Q. 5

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

- 176 Nguyễn Tri Phương, P. 9, Q. 5
- 199 Nguyễn Thái Sơn, P. 7, Q. Gò Vấp
- 2044 Quốc Lộ 1A, P. Tân Thới Hiệp, Q. 12
- 233 Nơ Trang Long, P. 11, Q. Bình Thạnh
- C5/20 Phạm Hùng, Ấp 4A, Xã Bình Hưng, H. Bình Chánh
- 651 Phạm Thế Hiển, P. 04, Q. 08
- 346 Phạm Văn Chí, P. 04, Q. 06
- 278 Phạm Văn Chiêu, P. 9, Q. Gò Vấp
- 26 Phan Đăng Lưu, P. 6, Q. Bình Thạnh
- 20/7B Phan Huy Ích, P. 14, Q. Gò Vấp
- 365 Phan Văn Hớn, P. Tân Thới Nhất, Q. 12
- B6/192 Ấp 2, xã Phong Phú, H. Bình Chánh
- Số D13/40 Ấp 4, Xã Vĩnh Lộc A, H. Bình Chánh
- 349 Quốc Lộ 13, Khu Phố 5, P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức
- 787 Quốc Lộ 1A, P. Thạnh Xuân, Q. 12
- 32 Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân, Q. Thủ Đức
- 1036 Tân Kỳ - Tân Quý, P. Bình Hưng Hòa, Q. Bình Tân
- 744A Tỉnh Lộ 43, P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức
- 1014 Tỉnh lộ 8, ấp 12, xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi
- 304 Tô Hiến Thành, P. 15, Q. 10
- 154 Tô Ngọc Vân, P. Linh Tây, Q. Thủ Đức
- 558 Trần Hưng Đạo, P. 2, Q. 5
- 246 Trần Phú, P. 09, Q. 5
- 130 Trần Quang Khải, P. Tân Định, Q. 1
- 1/1A Vạn Hạnh, Xã Trung Chánh, H. Hoóc Môn
- 121 -123 Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu, Q. Thủ Đức

HÀ NỘI

- Số 109 - 111 Phố Ga, Thôn Đỗ Xá, Xã Vạn Điểm, Huyện Thường Tín
- Số 194 Phạm Văn Đồng, tổ 01, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy
- Số 238 Đường Nguyễn Trãi, P. Trung Văn, Q. Nam Từ Liêm
- Số 245 Phạm Văn Đồng, P. Xuân Đình, Q. Bắc Từ Liêm
- Số 392-394-396 đường Nguyễn Văn Cừ, P. Bồ Đề, Q. Long Biên
- Số 463 phố Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng
- Số 500 Xã Đàn, P. Nam Đồng, Q. Đống Đa
- Số 66 đường Lê Văn Lương, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy
- 456-456A-458 Bạch Mai, P. Trương Định, Q. Hai Bà Trưng
- Big C MegaMall, SAVICO MegaMall, 7 - 9 Nguyễn Văn Linh, P. Gia Thụy, Q. Long Biên
- Big C Mê Linh, TTTM Melinh PLAZA Hà Nội, Km 8 đường cao tốc Thăng Long-Nội Bài, TT. Quang Minh, H. Mê Linh
- Big C Thăng Long, 222 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy
- Km 02, Quốc Lộ 32, P. Phú Diễn, Q. Bắc Từ Liêm
- 351 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy
- 163 Đại La, P. Đồng Tâm, Q. Hai Bà Trưng
- Số 100 phố Đội Cấn, P. Đội Cấn, Q. Ba Đình
- Thôn Phan Xá, xã Uy Nỗ, H. Đông Anh
- 753 Giải Phóng, P. Giáp Bát, Q. Hoàng Mai

- Số 315 Đường Hà Huy Tập, TT. Yên Viên, H. Gia Lâm
- 111 đường Hồ Tùng Mậu, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy
- Số 138-140, Tổ dân phố 2, TT. Kim Bài, H. Thanh Oai
- Thôn Nội, xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì (Đốc cầu Kim Giang)
- Số 146 phố Kim Mã, P. Kim Mã, Q. Ba Đình
- Số 190 - 192 Lê Thanh Nghị, Tổ 14, P. Đồng Tâm, Q. Hai Bà Trưng
- Số 468 - 470 - 472, Lê Duẩn, P. Phương Liên, Q. Đống Đa
- Số 190 - 192 Lê Thanh Nghị, Tổ 14, P. Đồng Tâm, Q. Hai Bà Trưng
- Số 24 - 26, Phố Lý Quốc Su, P. Hàng Trống, Q. Hoàn Kiếm
- Số 466 phố Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng
- Tiểu khu Mỹ Lâm, Thị trấn Phú Xuyên, H. Phú Xuyên
- 746 - 748 - 750 - 752 Quang Trung, P. Quang Trung, Q. Hà Đông (Ngã 3 Ba La)
- 777 - 779 Ngô Gia Tự, P. Đức Giang, Q. Long Biên
- Số 173, Phố Ngô Quyền, P. Ngô Quyền, TX. Sơn Tây
- 389 Ngọc Hồi, Thị trấn Văn Điển, H. Thanh Trì
- Số 58 Nguyễn Khánh Toàn, P. Quan Hoa, Q. Cầu Giấy
- Số 497 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân
- 291 Nguyễn Văn Cừ, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

- 336 - 338 đường Phạm Văn Đồng, P. Cổ Nhuế 2, Q. Bắc Từ Liêm
- Số 188 - 190 Phố Ga, TT. Thường Tín, H. Thường Tín.
- 132 Phố Nhổn, P. Phương Canh, Q. Nam Từ Liêm
- Số 4 - 6 Phố Thanh Vy, P. Sơn Lộc, TX. Sơn Tây
- Số 124 Phố Xốm, P. Phú Lâm, Q. Hà Đông
- Số 80-82, Đường 3, xã Phù Lỗ, H. Sóc Sơn
- Số 51-53-55 đường Phùng Hưng P. Phúc La, Q. Hà Đông
- Số 468 - 470 - 472, Lê Duẩn, P. Phương Liên, Q. Đống Đa
- 403 Quang Trung, P. Quang Trung, Q. Hà Đông
- Ô số 1 & 2, khu A, lô II - 7, Khu Đô thị mới, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn
- Số 277 Tam Trinh, P. Hoàng Văn Thụ, Q. Hoàng Mai
- Số 30, phố Trần Hưng Đạo, TT. Tây Đằng, Huyện Ba Vì
- Số 89 phố Tây Sơn, TT. Phùng, H. Đan Phượng
- Thôn Tế Tiêu, TT. Đại Nghĩa, Huyện Mỹ Đức
- Số Khu Đầm Săn, TT. Liên Quan, H. Thạch Thất
- 11A Thái Hà, P. Trung Liệt, Q. Đống Đa
- Số 131 phố Thái Thịnh, P. Thịnh Quang, Q. Đống Đa
- Số 22F Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy
- Số 186 Trương Định, P. Trương Định, Q. Hai Bà Trưng
- Km 28, quốc lộ 6, xã Trường Yên, Huyện Chương Mỹ

- Số 43 Đường 21B, Thôn Thanh Ấm, TT. Văn Đình, H. Ứng Hòa
- Đường Vạn Phúc, Tổ dân phố Bạch Đằng, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông
- Số 1 Xuân Đình, P. Đông Xuân Tảo, Q. Bắc Từ Liêm
- Số 34, Tổ 2, Khu Xuân Hà, Thị trấn Xuân Mai, H. Chương Mỹ

ĐÀ NẴNG

- 116 Tôn Đức Thắng, P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu
- Tầng 3 Big C Đà Nẵng, đường Hùng Vương, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê
- 325 Điện Biên Phủ, P. Hòa Khê, Q. Thanh Khê
- 320-322 Lê Duẩn, P. Tân Chính, Q. Thanh Khê
- 02 Lý Thái Tổ, P. Thạch Gián, Q. Thanh Khê
- 735 Ngô Quyền, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà
- 351 Nguyễn Hữu Thọ, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu
- 208 - 210 Nguyễn Tri Phương, P. Thạch Gián, Q. Thanh Khê
- 64-66 Nguyễn Văn Linh, P. Nam Dương, Q. Hải Châu
- 02 Nguyễn Văn Trỗi, P. Hòa Thuận Đông, Q. Hải Châu

AN GIANG

- Số 1 Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên
- 170A Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên
- 613A Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh,

TP. Long Xuyên

- Tổ 1, Khóm Châu Long 1, P. Vĩnh Mỹ, TP. Châu Đốc
- Số 02, Tỉnh lộ 942, Ấp Long Hòa, TT. Chợ Mới, H. Chợ Mới
- Quốc Lộ 91, ấp Bình Hòa, TT. Cái Dầu, H. Châu Phú
- 7 Nguyễn Văn Linh, P. Long Thạnh, Thị xã Tân Châu
- 79 Trần Hưng Đạo, Khóm 2, TT. Tri Tôn, H. Tri Tôn

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- 454 - 456 đường 30/4, P. Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu
- 330 Bình Giã, P. Nguyễn An Ninh, TP. Vũng Tàu
- 267A Đường CMT8, KP 5, P. Phước Hiệp, Thị xã Bà Rịa
- 313 - 315 Hùng Vương, KP 2, TT Ngãi Giao, Huyện Châu Đức
- Quốc Lộ 51, ấp Thị Vải, xã Mỹ Xuân, Huyện Tân Thành
- 01 Nguyễn Văn Linh, TT. Phú Mỹ, H. Tân Thành
- C44 Ấp Phước Lộc, xã Phước Hưng, H. Long Điền
- D23, Ấp Phước Thái, xã Phước Tỉnh, Huyện Long Điền
- 219/6 QL 55, Thị trấn Phước Bửu, Huyện Xuyên Mộc
- 290 Trương Công Định, P. 8, TP. Vũng Tàu
- 270 Võ Thị Sáu, KP. Long Tân, TT. Long Điền, H. Long Điền
- Số 570 đường 30/4, P. Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

BẮC GIANG

- TTTM Big C Bắc Giang, xã Tân Tiến, TP. Bắc Giang
- Lô D3, Quy hoạch chi tiết KDC mới, TT. Cao Thượng, H. Tân Yên
- Khu 5, TT. Thắng, H. Hiệp Hòa
- Số 1-3 đường Hùng Vương, tổ dân phố 2, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang
- Khu Lê Lợi, TT. Chũ, H. Lục Ngạn
- Phố Thanh Xuân, TT. Đồi Ngô, H. Lục Nam
- 108 đường Xương Giang, P. Trần Phú, TP. Bắc Giang

BẮC KẠN

- 10-12 đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 1, P. Sông Cầu, TP. Bắc Kạn

BẠC LIÊU

- C1B, đường Trần Phú, P. 3, TP. Bạc Liêu
- 148B Quốc lộ 1A, ấp 2, Thị trấn Hộ Phòng, H. Giá Rai
- Số 03, quốc lộ 1A, TT. Hòa Bình, H. Hòa Bình
- Ấp Long Thành, TT. Phước Long, H. Phước Long
- Số 443, đường Trần Phú, P. 07, TP. Bạc Liêu

BẮC NINH

- Khu nhà ở Dabaco, Đường Âu Cơ, Thị trấn Hồ, H. Thuận Thành
- 127-129 Nguyễn Văn Cừ, TT. Gia Bình, H. Gia Bình
- Thôn Mao Trung, Xã Phượng Mao, H. Quế Võ
- Số 364, đường Ngô Gia Tự, P. Tiền An, TP. Bắc Ninh

- 774 Nguyễn Du, P. Ninh Xá, TP. Bắc Ninh
- Phố Chờ, TT. Chờ, H. Yên Phong
- Số 320 Đường Trần Hưng Đạo, P. Đại Phúc, TP. Bắc Ninh
- Số 17, phố Trần Phú, P. Đông Ngàn, TX. Từ Sơn
- 38 Xuân Thụ, P. Đông Ngàn, Thị Xã Từ Sơn

BẾN TRE

- 112B đường Đồng Khởi, khu phố 5, P. Phú Khương, TP. Bến Tre
- 591B - 592B2 đường Đồng Khởi, P. Phú Khương, TP. Bến Tre
- 278/18B1, Khu phố 2, TT. Chợ Lách, H. Chợ Lách
- 174A, đường Đoàn Hoàng Minh, P. 05, TP. Bến Tre
- 44B Nguyễn Đình Chiểu, P. 1, TP. Bến Tre
- 201-202 Quốc Lộ 60, KP5, Thị trấn Mỏ Cày, H. Mỏ Cày Nam

BÌNH ĐỊNH

- 1225 Trần Hưng Đạo, P. Đống Đa, TP. Quy Nhơn
- Tầng 2 Big C Quy Nhơn, P. Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn
- Số 108 Lạc Long Quân, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn
- 107 Ngô Mây, P. Nguyễn Văn Cừ, TP. Quy Nhơn
- 246 Quang Trung, Thị trấn Ngô Mây, Huyện Phù Cát
- 564-566 Trần Hưng Đạo, P. Thị Nại, TP. Quy Nhơn,
- Số 160 Trần Phú, P. Bình Định, TX. An Nhơn

BÌNH DƯƠNG

- Số 63A/1, Khu phố 1A, P. An Phú, TX. Thuận An
- Số 97C, đường 30 tháng 4, Khu phố 1, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát
- TTTM Big C Dĩ An, Quốc Lộ 1K, P. Đông Hòa, TX. Dĩ An
- TTTM Big C Bình Dương, số 555 Đại Lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một
- 79/13 Đường ĐT 743, KP. Bình Phước B, P. Bình Chuẩn, TX. Thuận An
- 2A/1B khu phố Bình Đức, P. Bình Hòa, Thị xã Thuận An
- 32/1 Khu Phố Bình Giao, P. Thuận Giao, TX. Thuận An
- 18 Cách mạng Tháng 8, Ấp Chánh Lộc, Xã Chánh Mỹ, TP. Thủ Dầu Một
- 77 Đại lộ Bình Dương, P. Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một
- 6/52 Nguyễn An Ninh, Thị trấn Dĩ An, H. Dĩ An
- 137 Quốc Lộ 1K, KP. Tây B, P. Đông Hòa, TX. Dĩ An
- 1/25A Thủ Khoa Huân, KP Hòa Lân 1, P. Thuận Giao, TX. Thuận An
- Số 154, Tổ 6, Khu 7, Huỳnh Văn Lũy, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một
- 171 đường DT 745, KP. Long Thới, Thị trấn Lái Thiêu, H. Thuận An
- Số 2, đường Độc Lập, KP 2, TT. Phước Vĩnh, Huyện Phú Giáo
- 566 KP. 9, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một
- 6/12 Thống Nhất, KP. 2, TT. Dầu Tiếng,

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

- H. Dầu Tiếng
- Số E1/9 - E1/10 Khu Dân Cư Thuận Giao, P. Thuận Giao, TX. Thuận An
- Số 123 Lô M, khu dân cư Thương mại Uyên Hưng, P. Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên
- 222 Yersin, P. Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một

BÌNH PHƯỚC

- 250 Nguyễn Huệ, KP. Phú Hưng, P. Phú Thịnh, Thị xã Bình Long
- Khu TTTM Co.op Mart Đồng Xoài, đường Phú Riêng Đỏ, P. Tân Bình, TX. Đồng Xoài
- 1082 Phú Riêng Đỏ, P. Tân Thiện, Thị xã Đồng Xoài
- 112 - 114, Quốc Lộ 14, TT. Đức Phong, H. Bù Đăng
- 32 đường ĐT.741, KP. 4, P. Long Phước, Thị xã Phước Long
- Số 11, đường 6 tháng 1, P. Long Thủy, thị xã Phước Long
- 156 Quốc Lộ 13, KP. Ninh Thịnh, TT. Lộc Ninh
- Số 38 Quốc Lộ 13, Tổ 6, Khu Phố 2, TT. Chơn Thành, H. Chơn Thành

BÌNH THUẬN

- Số 268, đường 3/2, TT. Đức Tài, H. Đức Linh
- 72C-D-Đ Lê Lợi, P. Phước Hội, TX La Gi
- 736 Trần Hưng Đạo, Khu phố 7, P. Đức Long, TP. Phan Thiết
- 80 Trần Hưng Đạo, P. Phú Trinh, TP. Phan Thiết
- Số 233 đường Thống Nhất, TT. Phan Rí Cửa, H. Tuy Phong

CÀ MAU

- Số 92 Nguyễn Tất Thành, Khóm 4, TT. Năm Căn, H. Năm Căn
- 125B – 127 Nguyễn Tất Thành, khóm 7, P. 8, TP. Cà Mau
- 52 Nguyễn Trãi, P. 9, TP. Cà Mau, T. Cà Mau
- số 116 tổ 3, khóm 10 thị trấn Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời
- 2A Trần Hưng Đạo, Khóm 6, P. 5, TP. Cà Mau

CẦN THƠ

- 217 đường 3/2, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều
- 84-86A-86-86B Đường 30/4, P. An Phú, Q. Ninh Kiều
- 9A Cách Mạng Tháng 8, P. An Thới, Q. Bình Thủy
- Big C Cần Thơ, Lô 1, Khu dân cư Hưng Phú 1, P. Hưng Phú, Q. Cái Răng
- 35B Cách Mạng Tháng 8, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều
- 26B/9 Lê Hồng Phong, P. Bình Thủy, Q. Bình Thủy
- 571 ấp Thới hòa 1, P. Thới Thuận, Q. Thốt Nốt
- 24B Nguyễn Trãi, P. Cái Khế, Q. Ninh Kiều
- 403 - 405 Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều
- 305V Nguyễn Văn Linh, Khu vực III, P. An Khánh, Q. Ninh Kiều
- Số 1066/6 Quốc Lộ 91, Khu vực 5, P. Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn
- 384/17 Quốc Lộ 91, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt
- Ấp Thới Hòa, TT. Cờ Đỏ, H. Cờ Đỏ

CAO BẰNG

- số 1 Kim Đồng, P. Hợp Giang, TP. Cao Bằng,

- Số 041, đường Phai Khắt Nà Ngàn, P. Sông Hiến, TP. Cao Bằng

ĐẮK LẮK

- 242 Nguyễn Tất Thành, P. Tân Lập, TP Buôn Mê Thuột
- 561 Giải Phóng, Tổ Dân Phố 7, TT. Ea Drăng, H. Ea H'leo
- 94 Nguyễn Tất Thành, khu phố 3A, thị trấn Ea Kar, Huyện Ea Kar
- 304-306 Giải Phóng, Khối 6, TT. Phước An, H. Krông Pắc
- 154 Hùng Vương, P. An Lạc, Thị xã Buôn Hồ
- 390 – 392 – 394 – 396 Lê Duẩn, P. Eatam, TP. Buôn Mê Thuột
- A12 Trần Hưng Đạo, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Mê Thuột

ĐẮK NÔNG

- Số 82 Huỳnh Thúc Kháng, P. Nghĩa Thành, TX. Gia Nghĩa
- 67 Nguyễn Tất Thành, Thị trấn Đăk Mil, H. Đăk Mil

ĐIỆN BIÊN

- Khối Tân Thủy, TT. Tuần Giáo, H. Tuần Giáo,
- 583 Tổ Dân Phố 10, P. Tân Thanh, TP. Điện Biên Phủ
- Tổ dân phố 3, P. Mường Thanh, TP. Điện Biên Phủ

ĐỒNG NAI

- Ấp Trần Cao Vân, Xã Bàu Hàm 2, H. Thống Nhất

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

- Kí ốt số 3, Tầng 01, CC Chợ Biên Hòa, Cách Mạng Tháng Tám, P. Thanh Bình, TP. Biên Hòa
- Số 26 Khu Dân Cư 4, Ấp Cây Xăng, Xã Phú Túc, Huyện Định Quán
- 555 Quốc Lộ 1A, Xã Đông Hòa, H. Trảng Bom
- 5/10 - 6/10, KP3, Đồng Khởi, TP. Biên Hòa
- 102/3 Ấp Gia Yên, Xã Gia Tân 3, H. Thống Nhất
- Số 130 Tôn Đức Thắng, Ấp 3, xã Hiệp Phước, H. Nhơn Trạch
- 116 Hồ Thị Hương, P. Xuân An, TX.Long Khánh
- 94 Quốc Lộ 1A, KP 8A, P. Tân Biên, TP. Biên Hòa
- 1 Hùng Vương, P. Xuân An, Thị xã Long Khánh
- Tổ 2, Khu Phước Hải, H. Long Thành, Đồng Nai.
- Số 702, Phạm Văn Đồng, Tổ 5, Khu Cầu Xéo, TT. Long Thành, H. Long Thành
- 217 A Phạm Văn Thuận, KP2, P. Tân Tiến, TP. Biên Hòa
- Số 26 Khu Dân Cư 4, Ấp Cây Xăng, Xã Phú Túc, Huyện Định Quán
- Số 1910, tổ 1, ấp 1C, Xã Phước Thái, H. Long Thành
- Số 54, Tổ 1, Ấp Phương Lâm 2, Xã Phú Lâm, H. Tân Phú
- Số 1 Phạm Văn Thuận (vòng xoay tam hiệp), Tổ 1, Khu phố 1, P. Tam Hòa, TP. Biên Hòa
- Số 16, Quốc lộ 51, KP Bình Dương, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa
- Số 1/1, Phạm Văn Thuận, KP 9, P. Tam Hiệp, TP. Biên Hòa
- 6C - 8C - 12C Đồng Khởi, KP 8, P. Tân Phong, TP. Biên Hòa
- Số 419 - 420, tổ 29, xóm 4, Ấp Thái Hòa, Xã Hồ Nai 3, H. Trảng Bom
- Số 1108A-1108B, đường 768, tổ 12, ấp 1, Xã Thạnh Phú, H. Vĩnh Cửu
- 398 Trần Phú, Khu 3, Thị trấn Gia Ray, H. Xuân Lộc
- KP3, Thị trấn Trảng Bom, H. Trảng Bom
- 01-02 QL 1, Thôn Nam Hòa, ấp Bùi Chu, Xã Bắc Sơn, H. Trảng Bom, Đồng Nai (Ngã 3 Trị An)
- Tổ 2, KP 5, Thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu
- 408 Võ Nguyên Giáp, Tổ 23, KP3, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa

ĐỒNG THÁP

- Số 329 Đường 30/04, P. 1, TP. Cao Lãnh
- 83 Nguyễn Huệ, P. 1, TP. Cao Lãnh
- Số 280/1 Quốc Lộ 80, Khóm Bình Thạnh 1, TT. Lấp Vò, H. Lấp Vò
- Số 83C, Quốc lộ 80, TT. Cái Tàu Hạ, H. Châu Thành
- 178 Nguyễn Huệ, P. 2, TP. Cao Lãnh
- Đường Hùng Vương, P. An Thạnh, Thị xã Hồng Ngự
- Đường Hùng Vương, Khóm 4, TT. Mỹ An, Huyện Tháp Mười
- Số 20 Trần Phú, P. 1, TP. Sa Đéc
- Số 114-116, đường Nguyễn Trãi, TT. Mỹ Thọ, H. Cao Lãnh
- 292 Quốc lộ 80, khóm 4, P. 1, TP. Sa Đéc

GIA LAI

- 811 Hùng Vương, TT. Chu Sê, H. Chu Sê
- Số 32 Lê Duẩn, P. Trà Bá, TP. Pleiku
- 475 Nguyễn Huệ, TT. Đắc Đoa, H. Đắc Đoa
- 05 Nguyễn Tất Thành, P. Hoa Lư, TP. Pleiku
- 621 Quang Trung, Tổ 2, P. Tây Sơn, Thị xã An Khê
- 01 Tôn Đức Thắng, P. Yên Thế, TP. Pleiku
- 47 Trần Phú, P. Diên Hồng, Thành Phố Pleiku

HÀ GIANG

- Số nhà 331 đường Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Trãi, TP. Hà Giang
- 94 Trần Hưng Đạo, P. Trần Phú, TP. Hà Giang
- Số 151, Tổ 4, thị trấn Vị Xuyên, Huyện Vị Xuyên
- Số 602 Trường Chinh, Tổ 4, TT. Việt Quang, H. Bắc Quang

HÀ NAM

- Đường Biên Hoà, P. Minh Khai, TP. Phủ Lý
- Phố Nguyễn Hữu Tiến, TT. Đồng Văn, H. Duy Tiên
- Quốc Lộ 1A, P. Hai Bà Trưng, TP. Phủ Lý

HÀ TĨNH

- Quốc Lộ 1A, Tổ Dân Phố 14, H. Cẩm Xuyên
- Đường Quang Trung, P. Sông Trí, TX.Kỳ Anh
- 160 Hà Huy Tập, P. Hà Huy Tập, TP. Hà Tĩnh
- 01 Quang Trung, P. Nam Hồng, TX.Hồng Lĩnh

HẢI DƯƠNG

- Big C, TTTM Ngọc Châu, P. Nhị Châu, TP. Hải Dương

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

- 184-186-188-190 Nguyễn Lương Bằng, P. Phạm Ngũ Lão
- Đường Nguyễn Thái Học 1, P. Sao Đỏ, Thị Xã Chí Linh
- Số 168 Nguyễn Thượng Mẫn, P. Bình Hàn, TP. Hải Dương
- Số 203 đường Vũ Mạnh Hùng, khu 2, TT. Phú Thứ, H. Kinh Môn
- Thôn Dưỡng Thái Trung, Xã Phúc Thành A, H. Kim Thành

HẢI PHÒNG

- 221A-221 Lạch Tray, P. Đồng Quốc Bình, Q. Ngô Quyền
- 57-59-59A đường Bạch Đằng, P. Hạ Lý, Q. Hồng Bàng
- Big C Hải Phòng, Lô 1/20 Khu đô thị mới Ngã Năm, Sân bay Cát Bi, P. Đằng Giang, Q. Ngô Quyền
- 126 Phố Lạch Tray, P. Lạch Tray, Q. Ngô Quyền
- Số 220 Lý Thánh Tông, P. Vạn Sơn, Q. Đồ Sơn
- 599 Ngô Gia Tự, P. Đằng Lâm, Q. Hải An
- Số 68 Bạch Đằng, TT. Núi Đèo, H. Thủy Nguyên
- 118 tổ đường 5/2, P. Quán Toan, Q. Hồng Bàng
- Số 254 Phố Tô Hiệu, P. Hồ Nam, Q. Lê Chân
- Đường Tôn Đức Thắng, Xã An Đồng, Huyện An Dương
- 163 Trần Nguyên Hãn, P. Trần Nguyên Hãn, Q. Lê Chân
- 1-3-5 Trần Nhân Tông, P. Quán Trữ, Q. Kiến An

HẬU GIANG

- Số 31-33 Quốc lộ 61, Ấp Tân Phú A, TT. Cái Tắc, H. Châu Thành A
- 30 Nguyễn Huệ, Ấp 2, TT. Long Mỹ, H. Long Mỹ
- 1093-1095 Hùng Vương, P. Ngã Bảy, Thị xã Ngã Bảy
- Số 01 đường Ngô Quốc Trị, P. 5, TP. Vị Thanh

HÒA BÌNH

- Số nhà 42, Khu 3, TT. Cao Phong, H. Cao Phong
- 714 Cù Chính Lan, Tổ 3, P. Đồng Tiến
- 1A Đại Lộ Thịnh Lang, P. Tân Thịnh, TP. Hòa Bình
- Tiểu khu 13, TT. Lương Sơn, H. Lương Sơn

HƯNG YÊN

- 98-98B-100 Đường Điện Biên, P. Lê Lợi, TP. Hưng Yên
- 98-98B-100 Đường Điện Biên, P. Lê Lợi, TP. Hưng Yên
- Thôn Liêu Thượng, xã Liêu Xá, H. Yên Mỹ
- Thôn Lương Hội, TT. Lương Bằng, Huyện Kim Động
- Ngã tư Phố Bàn, TT. Bàn Yên Nhân, H. Mỹ Hào

KHÁNH HÒA

- Số 324-326 Trần Quý Cáp, Tổ dân phố 7, P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hòa
- TTTM Big C Nha Trang, Lô số 4, Đường 19/5, Khu đô thị Vinh Diễm Trung, Xã Vinh Hiệp, TP. Nha Trang
- Số 1 đại lộ Hùng Vương, Tổ DP Lợi Hòa, P. Cam Lợi, TP. Cam Ranh

- Số 01 Hòn Chồng, P. Vĩnh Phước, TP. Nha Trang
- Số 02 Lạc Long Quân, Thị Trấn Diên Khánh, H. Diên Khánh
- 131 Lê Hồng Phong, P. Phước Hòa, TP. Nha Trang
- 105-105A Ngô Gia Tự, P. Tân Lập, TP. Nha Trang
- 03 Quang Trung, P. Vạn Thạnh, TP. Nha Trang
- 9A Thái Nguyên, P. Phước Tân, TP. Nha Trang

KIÊN GIANG

- Số 01 Mai Thị Hồng Hạnh, P. Vĩnh Lợi, TP. Rạch Giá
- 380A Nguyễn Trung Trực, P. Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá
- Tổ an ninh 10, KP 5, TT. Dương Đông, H. Phú Quốc
- Khu phố Tri Tôn, TT. Hòn Đất, H. Hòn Đất
- 606 Quốc Lộ 80, Tổ 4, Ấp Ngã 3, thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương
- 142A-142B Nguyễn Trung Trực, TT. Dương Đông, H. Phú Quốc
- 65-67, khóm B, TT. Tân Hiệp, H. Tân Hiệp
- Số 98 đường Trần Phú, P. Vĩnh Thanh, TP. Rạch Giá
- Số 498 Ấp Vĩnh Đông 2, TT. Vĩnh Thuận, H. Vĩnh Thuận

KON TUM

- 296 Hùng Vương, Tổ dân phố 6, TT. Đắk Hà, H. Đắk Hà
- Số 35, Đường Hùng Vương, Thị Trấn Plei Kàn, H. Ngọc Hồi

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

- 137 A Đường Phan Đình Phùng, P. Quang Trung, TP. Kon Tum
- 375 - 377 Trần Hưng Đạo, P. Quyết Thắng, TP. Kon Tum

LAI CHÂU

- 027 - 029 Đường Trần Hưng Đạo, Tổ 4, P. Đoàn Kết, TP. Lai Châu

LÂM ĐỒNG

- Số 215 - 217 Trần Phú, P. Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc
- Số 116, Đường 3 tháng 2, P. 5, TP. Đà Lạt
- 581 Trần Phú, P. B'laho, TP. Bảo Lộc
- TTTM Big C Đà Lạt đường Hồ Tùng Mậu, P. 10, TP. Đà Lạt
- Số 314 -316 Bùi Thị Xuân, P. 2, TP. Đà Lạt
- Số 261 Phan Đình Phùng, P. 2, TP. Đà Lạt
- 890A - 890B Đường Hùng Vương, Tổ dân phố 7, TT. Di Linh, H. Di Linh
- 35 - 37 Thống Nhất, TT. Liên Nghĩa, H. Đức Trọng
- 753 - 755 Hùng Vương, KP. Bồ Liêng, TT. Đinh Văn, H. Lâm Hà
- Số 2, Đường Lê Đại Hành, P. 01, TP. Đà Lạt
- Số 594 - 596 Quốc Lộ 20, KP. 8, TT. Liên Nghĩa, H. Đức Trọng

LẠNG SƠN

- Tổ 1, Khối 8, đường Ngô Quyền, P. Đông Kinh, TP. Lạng Sơn
- Số 29 đường Trần Đăng Ninh, P. Tam Thanh, TP. Lạng Sơn

LÀO CAI

- Số 333 Đường Hoàng Liên, P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai
- 256 Nguyễn Huệ, P. Phố Mới, TP. Lào Cai
- Tổ dân phố Phú Cường 1, TT. Phố Lu, H. Bảo Thắng
- Tổ 6B1, TT. Phố Ràng, H. Bảo Yên
- Tổ 4A, Thị trấn Sa Pa, H. Sa Pa

LONG AN

- 15 Nguyễn Hữu Thọ, KP. 3, Thị Trấn Bến Lức
- Quốc Lộ 50, TT. Cần Đước, H. Cần Đước
- Khu phố 2, TT. Cần Giuộc, H. Cần Giuộc
- 22-24 Châu Thị Kim, P. 3, TP. Tân An
- 177C-177C/1, Khu Phố 3, Thị Trấn Đức Hòa, Huyện Đức Hòa
- Ngã 3 Tân Đức, Tỉnh Lộ 10, H. Đức Hòa
- Khu vực 1, Thị Trấn Đông Thành, Huyện Đức Huệ
- 173A - 221B Ấp Chợ, Xã Phước Lợi, Thị Trấn Gò Đen, Huyện Bến Lức
- Số 159-161, Đường 825, Ô 6, Khu B, TT. Hậu Nghĩa, H. Đức Hòa
- Số 59-61, Quốc Lộ 1A, Khu phố 4, TT. Bến Lức, H. Bến Lức
- Số 61 Đốc Binh Kiều (QL 62), P. 01, TX. Kiến Tường
- 106 Quốc Lộ 1, P. 2, TP. Tân An
- 33-35, Đường 30/4, Thị trấn Tân Hưng, Huyện Tân Hưng
- Số 10, Quốc lộ 62, Khu phố 3, Thị trấn Tân Thạnh, Huyện Tân Thạnh
- Khu Phố 3, Thị Trấn Thạnh Hóa, Huyện Thạnh Hóa
- 42 Trung Trắc, Thị trấn Thủ Thừa, Huyện Thủ Thừa

NAM ĐỊNH

- Big C - TTTM Thiên Trường, xã Lộc Hòa
- Số 186 đường 21B, TT. Cổ Lễ, H. Trực Ninh
- Số 59 Đường Điện Biên, Tổ 15, P. Cửa Bắc
- Xóm 15 Trung Lễ, Xã Hải Hưng, H. Hải Hậu
- 157 Trần Hưng Đạo, P. Trần Hưng Đạo

NGHỆ AN

- Big C, Số 2, đường Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh
- Số 2, đường Đặng Thái Thân, P. Cửa Nam, TP. Vinh
- 187 Lê Duẩn, P. Trung Đô, TP. Vinh
- Số 219 Lê Lợi, P. Lê Lợi, TP. Vinh
- 92 Nguyễn Phong Sắc, P. Hưng Dũng, TP. Vinh
- Số 78 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Hưng Bình, TP. Vinh
- Khối 01, đường quốc lộ 1A, TT. Cầu Giát, H. Quỳnh Lưu
- Quốc lộ 7A, khối 2, TT. Đô Lương, H. Đô Lương
- 116 Khối Kim Tân, P. Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa
- Xóm Nam Sơn, Xã Vân Diên, H. Nam Đàn

NINH BÌNH

- TTTM Big C Ninh Bình, đường Trần Nhân Tông, xã Ninh Phúc, TP. Ninh Bình
- Phố 9, P. Đông Thành, TP. Ninh Bình
- Số 01 Phố Phát Diệm Tây, TT. Phát Diệm, H. Kim Sơn
- Ngã 3 quân đoàn 1, QL 1A, đường Quyết Thắng, P. Trung Sơn, TP. Tam Điệp
- Số 02 Trần Hưng Đạo, phố Phúc Trọng, P. Phúc Thành, TP. Ninh Bình

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

NINH THUẬN

- 119 đường 21/8, khu 9, P. Phước Mỹ, TP. Phan Rang - Tháp Chàm
- 312 - 312A Thống Nhất, P. Phủ Hà, TP. Phan Rang - Tháp Chàm

PHÚ THỌ

- Số 1462, Đại lộ Hùng Vương, P. Tiên Cát, TP. Việt Trì
- Big C - Việt Trì, đường Nguyễn Tất Thành, P. Thanh Miếu, TP. Việt Trì
- Số 36 Phố Đồng Tâm, TT. Đoan Hùng, H. Đoan Hùng
- 2387-2389 Hùng Vương, Khu 7, P. Nông Trang, TP. Việt Trì
- Số 84-86, phố Lê Đồng, P. Âu Cơ, TX. Phú Thọ
- Số 18-20-22 đường 32, Phố Vàng, TT. Thanh Sơn, H. Thanh Sơn
- Khu Tân Tiến, TT Lâm Thao, H. Lâm Thao

PHÚ YÊN

- 244 B Trần Hưng Đạo, P. 4, TP. Tuy Hòa

QUẢNG BÌNH

- 87-89 Hùng Vương, P. Ba Đồn, TX. Ba Đồn
- Đường Hùng Vương, TK 1, TT. Hoàn Lão, H. Bố Trạch
- 127 Trần Hưng Đạo, P. Đồng Phú, TP. Đồng Hới

QUẢNG NAM

- 540 Phan Chu Trinh, P. An Sơn, TP. Tam Kỳ
- Khu 5, TT. Ái Nghĩa, H. Đại Lộc, T. Quảng Nam

- 225-227 Lý Thường Kiệt, P. Cẩm Phô, TP. Hội An
- Khu đô thị phố chợ Nam Phước, Khối phố Long Xuyên 2, TT. Nam Phước, H. Duy Xuyên
- 177 Phạm Văn Đồng, Khối 2, TT. Núi Thành, H. Núi Thành
- 214 Phan Chu Trinh, P. Phước Hòa, TP. Tam Kỳ
- Đường Trần Nhân Tông, P. Vĩnh Điện, TT. Điện Bàn
- Đường Tiểu La, Thị trấn Hà Lam, Huyện Thăng Bình

QUẢNG NGÃI

- 75 Đại lộ Hùng Vương, P. Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
- 600 Nguyễn Nghiêm, TT. Đức Phổ, H. Đức Phổ
- 661 Quang Trung, P. Nghĩa Chánh, TP. Quảng Ngãi
- 76 Quốc Lộ 1A Tổ Dân Phố 1, Thị trấn Châu Ổ, H. Bình Sơn
- 110A Quốc Lộ 1A, TT. Sông Vệ, H. Tư Nghĩa

QUẢNG NINH

- 617 Trần Phú, Tổ 65, P. Cẩm Thủy, TP. Cẩm Phả
- Tổ 9, Khu 6, P. Giếng Đáy, TP. Hạ Long
- Số 1, Đường Trần Phú, P. Trần Phú, TP. Móng Cái
- 120 - 122 - 124 Đường Kênh Liêm, P. Cao Thắng, TP. Hạ Long
- Tổ 57 Khu 5, P. Cửa Ông, TP. Cẩm Phả
- Đường Lê Lợi, P. Yết Kiêu, TP. Hạ Long
- Số 13-15 phố Lê Lợi, P. Quảng Yên, TX. Quảng Yên
- Số 487 Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Uông Bí
- Số 209 Đường Trần Phú, P. Cẩm Tây, TP. Cẩm Phả
- Khu Vĩnh Thông, TT. Mạo Khê, H. Đông Triều

QUẢNG TRỊ

- 01 Hùng Vương, P. 1, TP. Đông Hà
- 244 Trần Hưng Đạo, P. 02, TX. Quảng Trị

SÓC TRĂNG

- 13-15A Hùng Vương, P. 06, TP. Sóc Trăng
- 50 - 52 Đường Hai Bà Trưng, P. 01
- 53-54, Nguyễn Huệ, P. 01, TX. Vĩnh Châu
- 01 Tỉnh Lộ 8, ấp Thạnh Lợi, TT. Mỹ Xuyên, H. Mỹ Xuyên

SƠN LA

- Số 1 Lò Văn Giá, P. Chiềng Lè, TP. Sơn La
- Tiểu khu 19, TT. Hát Lót, H. Mai Sơn
- Tiểu khu 40, TT. NT Mộc Châu, H. Mộc Châu
- Tổ 4, P. Quyết Thắng, TP. Sơn La

TÂY NINH

- Số 14 Phạm Hùng, KP. 3, Thị trấn Hòa Thành, H. Hòa Thành
- Số 13 Phạm Hùng, TT. Tân Biên, H. Tân Biên
- Số 421 Quốc Lộ 22B, KP. Thanh Hà, TT. Gò Dầu, H. Gò Dầu
- Tổ 4, KP 2, thị trấn Tân Châu, Huyện Tân Châu
- 583 Đường CMT8, KP. 2, P. 3, TP. Tây Ninh
- Số 1197 Cách Mạng Tháng Tám, KP Hiệp Nghĩa, P. Hiệp Ninh, TP. Tây Ninh
- Số 145, Quốc Lộ 22, Ấp Lộc Du, TT. Trảng Bàng, H. Trảng Bàng

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

THÁI BÌNH

- Khu 6, thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy
- Tổ 2, Thị Trấn Đông Hưng, H. Đông Hưng
- Số 406 Lý Bôn, P. Trần Hưng Đạo, TP. Thái Bình
- Số 1 Quang Trung, Tổ 1, P. Quang Trung, TP. Thái Bình
- 101 phố Tiểu Hoàng (ngã 3 chò chiều), TT. Tiền Hải, H. Tiền Hải

THÁI NGUYÊN

- 200 Phạm Văn Đồng, Tổ dân phố 4, P. Ba Hàng, TX. Phố Yên
- 81 Cách Mạng Tháng Tám, Tổ dân phố 10, P. Thắng Lợi, TP. Sông Công
- Số 341 Bắc Kạn, Tổ 14, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên
- 477 đường Lương Ngọc Quyến, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên
- Số 01 Lương Ngọc Quyến, Tổ 4, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên

THANH HÓA

- Số 468 Nguyễn Trãi, P. Phú Sơn, TP. Thanh Hóa
- Big C Thanh Hóa, P. Đông Hải, TP. Thanh Hóa
- Số 1 và 3 Nguyễn Trãi, P. Ngọc Trạo, Thị xã Bỉm Sơn
- Khu 2, TT. Lam Sơn, H. Thọ Xuân
- Số 91 Lê Lợi, P. Trường Sơn, TX. Sầm Sơn
- Số 17B Lê Thánh Tông, Thị trấn Ngọc Lặc, Huyện Ngọc Lặc
- 44 Phố Giắt, TT. Triệu Sơn, H. Triệu Sơn

- 355-357 Quang Trung, P. Đông Vệ, TP. Thanh Hóa
- 60 Quang Trung, tiểu khu 6, TT. Tĩnh Gia, H. Tĩnh Gia
- Số 305 Trần Phú, P. Ba Đình, TP. Thanh Hóa
- 342-344, Đường Trường Thi, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa

THỪA THIÊN HUẾ

- Số 57 Bà Triệu, P. Xuân Phú, TP. Huế
- Tầng 3, Big C Huế, 181 Bà Triệu, P. Phú Nhuận, TP. Huế
- 185 Hùng Vương, P. An Cựu, TP. Huế
- 11 Cách Mạng Tháng Tám, P. Tú Hạ, TX. Hương Trà
- 1110 Nguyễn Tất Thành, P. Phú Bài, TX. Hương Thủy
- 254 Nguyễn Trãi, P. Tây Lộc, TP. Huế
- 197 - 199 Trần Hưng Đạo, P. Phú Hòa, TP. Huế

TIỀN GIANG

- Số 2, Tổ 2, Ấp 1, Xã An Thái Trung, H. Cái Bè
- 49/2 đường Ấp Bắc, P. 5, TP. Mỹ Tho
- Số 635, Ấp Bình Hòa Đông, Xã Bình Nhì, H. Gò Công Tây
- Số 212, Tổ 13, KP 3, TT. Cái Bè, H. Cái Bè
- Số 3/59, Quốc Lộ 1A, Khu Phố 3, P. 01, TX. Cai Lậy
- 12 Đinh Bộ Lĩnh, P. 8, TP. Mỹ Tho
- 313 đường Nguyễn Huệ, KP. 3, P. 2, Thị xã Gò Công
- 57/6 - 57/8 Lê Thị Hồng Gấm, P. 6, TP. Mỹ Tho
- Ấp Long Thạnh, xã Long Bình Điền, H. Chợ Gạo
- 920 Lý Thường Kiệt, P. 5, TP. Mỹ Tho
- Số 4B/4, Ấp Rẫy, TT. Tân Hiệp, H. Châu Thành

- Số 49, ấp Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Kim, H. Châu Thành

TRÀ VINH

- Số 315-317, Quốc lộ 53, Khóm 5, TT. Càng Long, H. Càng Long
- 20 Hùng Vương, P. 4, TP. Trà Vinh
- 474B Nguyễn Đăng, Khóm 3, P. 6, TP. Trà Vinh

TUYÊN QUANG

- Số 542 - 544 đường 17/8, tổ 15, P. Tân Hà, TP. Tuyên Quang
- 115-117 Đường Bình Thuận, Tổ 29, P. Tân Quang, TP. Tuyên Quang
- Số 46 tổ dân phố Quyết Thắng, TT. Sơn Dương, H. Sơn Dương

VĨNH LONG

- Tổ 21, Khóm 5, P. Cái Vồn, TX. Bình Minh
- 210 Lê Thái Tổ, P. 02, TP. Vĩnh Long
- Số 1, Khu Phố 3, Thị Trấn Trà Ôn, Huyện Trà Ôn
- 93B đường 2/9, khóm Hưng Đạo Vương, P. 1, TP. Vĩnh Long

VĨNH PHÚC

- Big C Vĩnh Phúc, Khu TTTM Vĩnh Phúc, P. Khai Quang, TP. Vĩnh Yên
- Số 288, đường Hai Bà Trưng, P. Hùng Vương, Thị xã Phúc Yên
- Số 99 Đường Hùng Vương, P. Tích Sơn, TP. Vĩnh Yên
- Khu phố 2, Thị trấn Hương Canh, H. Bình Xuyên
- Khu 11, TT. Lập Thạch, H. Lập Thạch

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

- 512-514 Đường Mê Linh, P. Khai Quang, TP. Vinh Yên
- Khu 5, Xã Tiên Châu, TX. Phúc Yên
- Số 136 Trường Chinh, P. Đồng Xuân, TX. Phúc Yên

YÊN BÁI

- 763 Điện Biên, Tổ 48, P. Minh Tân, TP. Yên Bái
- Số 1 Đường Hoàng Hoa Thám, Tổ 10, P. Yên Ninh, TP. Yên Bái
- Đường Thanh Niên, Tổ 9, P. Trung Tâm, TX. Nghĩa Lộ

CHUỖI SIÊU THỊ ĐIỆN MÁY DienmayXanh.com

TP. HỒ CHÍ MINH

- 626 Âu Cơ, P. 10, Q. Tân Bình
- 542 Cách Mạng Tháng 8, P. 11, Q. 03
- 874 – 874 A, Quốc Lộ 22, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi
- 416 Hậu Giang, P. 12, Q. 06
- 677 Huỳnh Tấn Phát, Q. 7
- 106-106A-106B-106C Nguyễn Thị Tú, Khu phố 1, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân
- 265 Hòa Bình, P. Hiệp Tân, Q. Tân Phú
- 157 Phan Đăng Lưu, P. 1, Q. Phú Nhuận
- 322- 324 Phan Văn Hớn, P. Tân Thới Nhất, Q. 12
- 33 Quang Trung, P. 10, Q. Gò Vấp
- 953 Tỉnh Lộ 10, Khu Phố 8, Q. Bình Tân
- 01 Bis Tô Ký, P. Tân Chánh Hiệp, Q. 12
- 561 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 26, Q. Bình Thạnh

- C4/21, Khu Phố 3, Thị Trấn Tân Túc, Huyện Bình Chánh

AN GIANG

- Số 17A Nguyễn Văn Thoại, P. Châu Phú B, TP. Châu Đốc
- 129 Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Phước, TP. Long Xuyên

BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- 25 Nguyễn Hữu Thọ, P. Phước Trung, TP. Bà Rịa
- 155 Nguyễn Thái Học, P. 7, TP. Vũng Tàu

BẠC LIÊU

- Số 37, Trần Huỳnh, P. 7, TP. Bạc Liêu

BẮC NINH

- 268 Đường Trần Phú, Khu phố mới, P. Đình Bảng, Thị Xã Từ Sơn

BẾN TRE

- 549B Đồng Khởi, P. Phú Khương, TP. Bến Tre

BÌNH ĐỊNH

- Số 769 Trần Hưng Đạo, P. Lê Hồng Phong, TP. Phố Quy Nhơn

BÌNH DƯƠNG

- 322 Đại Lộ Bình Dương, Khu Phố 1, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một
- 530/7A, Khu Phố Đông Thành, P. Tân Đông Hiệp, Thị Xã Dĩ An

- Số 311-315 Đường Nguyễn Trãi, khu phố Nguyễn Trãi, P. Lái Thiêu, Thị Xã Thuận An

BÌNH PHƯỚC

- 1050 Phú Riềng Đỏ, khu phố Tân Đồng 1, P. Tân Xuân, Thị Xã Đồng Xoài

BÌNH THUẬN

- 241 Trần Hưng Đạo, P. Phú Thủy, TP. Phan Thiết

CẦN THƠ

- 172B Đường 3/2, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều
- Số P31, Cách Mạng Tháng 8, P. An Thới, Q. Bình Thủy

CAO BẰNG

- Số 44 Phố Kim Đồng, P. Hợp Giang, TP. Cao Bằng

ĐÀ NẴNG

- 176-178 Nguyễn Văn Linh, P. Thạch Gián, Q. Thanh Khê
- Số 908A Tôn Đức Thắng, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu

ĐẮK LẮK

- 37 Nguyễn Tất Thành, P. Tân Lợi, TP. Buôn Ma Thuột

ĐỒNG NAI

- Số 570 Đường Lê Duẩn, Khu Phước Thuận, Thị Trấn Long Thành, Huyện Long Thành
- Số 205C, Khu phố 1, đường Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến, TP. Biên Hòa

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

- 16 Hùng Vương, Khu phố 1, P. Xuân Bình, Thị xã Long Khánh

ĐỒNG THÁP

- Số 90 Hùng Vương, P. 1, TP. Sa Đéc
- Số 03, Quốc lộ 30, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh

GIA LAI

- 16 Phạm Văn Đồng, P. Hoa Lư, TP. Pleiku

HÀ NAM

- Số 222 Đường Lê Hoàn, P. Hai Bà Trưng, TP. Phú Lý

HẢI PHÒNG

- 282 Đà Nẵng, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền
- 220 Trần Thành Ngọ, P. Trần Thành Ngọ, Q. Kiến An

HẬU GIANG

- Số 17, đường 3/2, P. 5, TP. Vị Thanh

KHÁNH HÒA

- 17 Thái Nguyên, P. Phước Tân, TP. Nha Trang

KIỀNG GIANG

- 358 Nguyễn Trung Trực, P. Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá

LÂM ĐỒNG

- Số 462 - 464 Quốc Lộ 20, Khu Phố 2, Thị Trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng
- Số 25-27 Nguyễn Văn Cừ, P. 1, TP. Đà Lạt

- 583 Trần Phú, P. B'Lao, TP. Bảo Lộc

LẠNG SƠN

- 69 Ngô Quyền, P. Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn

LONG AN

- Số 291-293, Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa
- Số 341-343 Quốc lộ 62, P. 1, Thị xã Kiến Tường

NGHỆ AN

- 78 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Hưng Bình, TP. Vinh

NINH THUẬN

- 279 Ngô Gia Tự, Khu phố 5, P. Tấn Tài, TP. Phan Rang – Tháp Chàm

PHÚ THỌ

- Số 85 Trần Nguyên Hãn, P. Bến Gót, TP. Việt Trì

QUẢNG NAM

- Đường Phan Bội Châu, P. Tân Thạnh, TP. Tam Kỳ

QUẢNG TRỊ

- 257 Lê Duẩn, P. Đông Lễ, TP. Đông Hà

KON TUM

- 951A Phan Đình Phùng, P. Quyết Thắng, TP. KonTum

SÓC TRĂNG

- 99 Hùng Vương, Khóm 1, P. 6, TP. Sóc Trăng

SƠN LA

- Tổ 11, P. Chiềng Lè, TP. Sơn La

TÂY NINH

- 748 Cách Mạng Tháng 8, Khu Phố 1, P. 4
- Số 10, QL 22, Khu phố Gia Huỳnh, TT. Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng

THÁI BÌNH

- Số 132 đường Trần Thái Tông, Tổ 29, P. Bồ Xuyên, TP. Thái Bình

THỪA THIÊN HUẾ

- Số 01 đường Hà Nội, P. Vĩnh Ninh, TP. Huế

TIỀN GIANG

- Số 2/9 Quốc Lộ 1A, P. 4, Thị Xã Cai Lậy
- Số 115 đường Nguyễn Trãi, P. 7, TP. Mỹ Tho

TRÀ VINH

- 21 Điện Biên Phủ, Khóm 4, P. 6, TP. Trà Vinh

TUYÊN QUANG

- Số 184 Quang Trung, tổ 23, P. Tân Quang, TP. Tuyên Quang

VĨNH LONG

- 210 Lê Thái Tổ, P. 2, TP. Vĩnh Long

YÊN BÁI

- Số 42 Điện Biên, Tổ 11, P. Yên Ninh, TP. Yên Bái

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG

Văn Phòng Điều Hành:

Lầu 5 tòa nhà Etown 2

364 Cộng Hòa, P. 13, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 08 3812 5960

Email: investor@thegioididong.com

www.mgw.com